

Số: /BC-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO
Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận
huyện Hương Sơn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và thành phố, thị xã trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 35/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Tĩnh: số 05/2017/QĐ-UBND ngày 07/2/2017, số 17/2018/QĐ-UBND, số 28/2019/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, bổ sung, sửa đổi Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của UBND huyện Hương Sơn tại Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 13/10/2021 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện Hương Sơn đạt chuẩn nông thôn mới;

Trên cơ sở báo cáo thẩm tra của các sở, ngành phụ trách tiêu chí, hồ sơ đề nghị thẩm tra huyện Hương Sơn đạt chuẩn nông thôn mới, báo cáo tổng hợp của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, UBND tỉnh Hà Tĩnh báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới đối với huyện Hương Sơn năm 2020, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA:

1. Về hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Hương Sơn đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, gồm:

- Nghị quyết số 173/2019/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của HĐND tỉnh về một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng huyện Cẩm Xuyên, Hương Sơn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2020-2021;

- Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 13/10/2021 của UBND huyện Hương Sơn về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

- Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn huyện Hương Sơn;

- Báo cáo số 293/BC-UBND ngày 11/10/2021 của UBND huyện Hương Sơn về kết quả xây dựng huyện nông thôn mới đến năm 2020;

- Báo cáo số 294/BC-UBND ngày 11/10/2021 của UBND huyện Hương Sơn về tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới, kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 trên địa bàn huyện Hương Sơn;

- Biên bản họp ngày 12/10/2021 của UBND huyện Hương Sơn về việc đề nghị xét, công nhận huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn NTM năm 2020;

- Báo cáo số 292/BC-UBND ngày 11/10/2021 của UBND huyện Hương Sơn về tình hình nợ xây dựng cơ bản và cân đối nguồn lực xây dựng huyện NTM;

- Video clip và hình ảnh minh họa một số kết quả chủ yếu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Hương Sơn.

2. Về kết quả thẩm tra các tiêu chí xã nông thôn mới (theo các Quyết định: số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, số 05/2017/QĐ-UBND ngày 07/2/2017, số 17/2018/QĐ-UBND và số 28/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Đến hết tháng 12 năm 2019, huyện Hương Sơn có 25/30 xã đạt chuẩn, năm 2020 có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đến nay, sau quá trình sáp nhập xã, toàn huyện có 23/23 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định (đạt 100%). Sau khi đạt chuẩn, các xã đều nâng cấp mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, đáp ứng theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2016 – 2020; có 01 xã Sơn Kim 2 đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và xã Sơn Trường đã được các sở ngành thẩm định đạt chuẩn các tiêu chí xã nâng cao, đang trình Hội đồng bỏ phiếu công nhận. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã, cụ thể:

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:

Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã được lập, phê duyệt đúng quy định; việc công bố, công khai, niêm yết bản đồ quy hoạch đúng quy định. Đối với quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã, được phổ biến rộng rãi và treo bản đồ tại trung tâm xã, nhà văn hóa các thôn, xóm để Nhân dân biết; lập kế hoạch và tổ chức cắm mốc thực địa theo quy hoạch được phê duyệt. UBND các xã đã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch trình UBND huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện, quản lý quy hoạch theo quy chế. Đồng thời, trong quá trình tổ chức thực

hiện, các xã đã rà soát và điều chỉnh kịp thời những bất cập trong quy hoạch. Việc thực hiện quy hoạch được tuân thủ, không vi phạm quy hoạch. Thực hiện Đề án sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã (theo Nghị quyết số 653/NQ-QH13 của UBTVQH về sắp xếp các đơn vị hành chính giai đoạn 2019-2021), huyện sắp xếp lại 11 đơn vị hành chính cấp xã thành 04 xã (Kim Hoa, Tân Mỹ Hà, An Hòa Thịnh, Quang Diệm). Đến nay, đã phê duyệt xong quy hoạch chung xây dựng xã sau sáp nhập theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch.

2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:

Tại thời điểm bắt đầu xây dựng NTM (từ năm 2011), hạ tầng giao thông huyện Hương Sơn hết sức hạn chế, một số tuyến đường mặc dù được bê tông hóa, nhựa hóa nhưng do thời gian sử dụng lâu, mặt, nền đường chưa đảm bảo yêu cầu tiêu chí, bên cạnh đó, hàng năm chịu tác động của lũ lụt, sạt lở đất, nên đã bị xuống cấp, ảnh hưởng đến việc lưu thông và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Tính đến đầu năm 2011, đường trục xã, liên xã mới cứng hóa được 29 km, đạt 24,6%; đường trục thôn, xóm cứng hóa 45 km, đạt 15,1%; đường ngõ xóm cứng hóa 78 km, đạt 13,8%; đường trục chính nội đồng cứng hóa 3,8 km, đạt 1,89%; 18,5 km đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh thoát nước.

Trong giai đoạn 2011 - 2020, thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM hệ thống giao thông được đầu tư nâng cấp, không còn tình trạng đường lầy lội vào mùa mưa, lưu thông thông suốt liên huyện, xã, kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông quốc lộ trên địa bàn. Kết quả phong trào toàn dân làm giao thông nông thôn và lồng ghép các nguồn vốn giai đoạn 2011 - 2020 đã đạt được những kết quả cao, cụ thể:

- Đường trục xã, liên xã: Tổng chiều dài theo quy hoạch 117,7 km; đã đạt chuẩn 117,7/117,7 km đạt 100% (tăng 75,4% so với năm 2011)

- Đường trục thôn, xóm: Tổng chiều dài theo quy hoạch 298,8 km; đã đạt chuẩn 253,6/298,8 km đạt 84,9% (tăng 69,8% so với năm 2011).

- Đường ngõ xóm: Tổng chiều dài theo quy hoạch 559,8 km; đã đạt chuẩn 442,7/559,8 km đạt 79,1% (tăng 65,3% so với năm 2011).

- Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài theo quy hoạch 201 km; đã đạt chuẩn 159,9/201 km đạt 79,6% (tăng 77,71% so với năm 2011)

- Các đường trục xã và thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước hai bên đường: tổng chiều dài các đoạn đường trục xã, liên xã, trục thôn, liên thôn qua khu dân cư cần làm rãnh thoát nước là 247,6 km, trong đó có 208,1 km đã có rãnh thoát nước hai bên đường, chiếm tỷ lệ 84,1%; các đoạn rãnh thoát nước thường xuyên được nạo vét, khơi thông đảm bảo khả năng thoát nước.

- Đường trục xã có trồng cây xanh bóng mát (đối với những đoạn có thể trồng được) theo quy định: các địa phương đã tiến hành trồng được 141,3/141,3km đường trục xã, đạt 100%.

- Biển báo ATGT: đã tiến hành cắm 375 biển báo các loại, trong đó: 198 biển báo tải trọng, 105 biển báo chỉ dẫn, 72 biển báo cảnh báo.

- Tất cả các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện, lòng đường không bị lấn chiếm; lề đường, vỉa hè không bị che khuất tầm nhìn; công tác duy tu, bảo trì được thực hiện thường xuyên, huy động được sự tham gia vào cuộc của cộng đồng dân cư.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông.

2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi:

*** Về công tác tưới, tiêu**

- Về các công trình hồ, đập:

Trên địa bàn huyện có 94 hồ chứa và 05 đập dâng, 23 trạm bơm; trong đó Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh quản lý 10 hồ chứa, 02 trạm bơm, 01 đập dâng hàng năm phục vụ tưới cho 4.029 ha đất sản xuất nông nghiệp; Ủy ban nhân dân các xã (trực tiếp là các Hợp tác xã, Tổ hợp tác dùng nước) quản lý, vận hành 84 hồ chứa, 04 đập dâng, 21 trạm bơm điện phục vụ tưới cho 4.659 ha đất sản xuất nông nghiệp. Sau 10 năm triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới, toàn huyện đã đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa 06 hồ chứa: Hồ Khe Mơ, Bình Khê (xã Sơn Hàm), Con Trường, Cây Gạo (xã Quang Diệm), Đình Đẹ (xã Sơn Lĩnh), Khe Su (xã Sơn Bình). Hiện nay, đang triển khai nâng cấp, sửa chữa 03 hồ chứa: Trại Lưu (xã Sơn Tây), Khe Nhảy (xã Sơn Tiến), Khe Cò (xã Sơn Lễ).

- Về kênh mương: Sau 10 năm triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới, thực hiện cơ chế hỗ trợ xi măng và lồng ghép từ các chương trình, dự án đã kiên cố hóa hơn 131,6kmLũy kể đến 31/12/2020, trên địa bàn toàn huyện đã kiên cố hóa 248,3/322,6 km (đạt 77%).

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp theo kế hoạch được tưới, cấp nước chủ động tính chung cho các xã trên địa bàn huyện là 8.163ha/8.688 ha (đạt tỷ lệ 94%); diện tích đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động tính chung trên địa bàn huyện là 103.677 ha/108.125ha (đạt tỷ lệ 96%).

- Diện tích cây trồng lâu năm tập trung (cam, bưởi $\geq 0,5$ ha/vùng và chè ≥ 01 ha/vùng) trên địa bàn huyện đã được áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho 126 ha/424,1 ha đạt tỷ lệ 29,7%.

*** Về công tác phòng chống thiên tai**

- Về tổ chức bộ máy: Cấp huyện đã thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và hằng năm được kiện toàn đúng quy định; 23 xã duy trì hoạt động của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, thành lập đội xung kích, hằng năm được bố trí kinh phí mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Về hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động, có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh: Hằng năm, các cấp từ huyện đến cơ sở ban hành kế hoạch triển khai phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn; triển khai các phương án ứng phó với các tình huống thiên tai có thể xảy ra. Hệ thống

truyền thanh cơ sở được kết nối đến tất cả các thôn, đáp ứng tốt việc tuyên truyền, cảnh báo phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn; thống kê đầy đủ các điểm có nguy cơ xảy ra thiên tai, nguy hiểm; cắm đầy đủ các biển cảnh báo nguy hiểm tại các vị trí theo quy định. Bên cạnh đó, hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin, các trang mạng xã hội (nhóm Zalo, Facebook...) được sử dụng để triển khai nhiệm vụ, cập nhật thông tin và tuyên truyền đến Nhân dân về công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn..., đảm bảo kịp thời và hiệu quả cao hơn so với những năm trước đây. Có 100% cán bộ cấp xã được tập huấn công tác PCTT, 83,75% người dân (93.190/111.274 người) tại vùng có nguy cơ cao về thiên tai được phổ biến kiến thức phòng chống thiên tai.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi.

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện:

Giai đoạn 2011- 2020, các xã trên địa bàn huyện được đầu tư từ nhiều dự án khác nhau, như: Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia và các dự án ngành điện tái thiết, chống quá tải, khắc phục bão lụt, giảm tổn thất điện năng, xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn nhỏ trạm biến áp, đường dây... đảm bảo 100% số xã có hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Sau 10 năm, đã xây mới 69 trạm biến áp với tổng công suất 22.058kVA; nâng cấp, xây dựng 90,019km đường trung áp, 328,138km đường dây hạ áp; di dời 1258 cột điện để đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đến nay, hệ thống điện cơ bản đáp ứng yêu cầu của ngành điện, toàn huyện có 346,63/346,63km (Tỷ lệ 100%) đường dây trung áp đạt chuẩn; 914,43/914,43 km (100%) đường dây hạ áp đạt chuẩn; 321/321 (100%) trạm biến áp với tổng công suất 58.243kVA đạt chuẩn; tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn có 41.319/41.319 hộ sử dụng công tơ điện an toàn, đạt 100%.

Đến nay, 23/23 xã của huyện Hương Sơn đạt tiêu chí Điện theo Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công thương quy định phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; đảm bảo yêu cầu, bao gồm: Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về điện và đạt 100% tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện.

2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học:

Giai đoạn 2011-2020, thực hiện việc chỉ đạo công tác xây dựng nông thôn mới của UBND huyện Hương Sơn, UBND huyện chỉ đạo các địa phương và trường học tập trung huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp, mua sắm CSVC trường học đáp ứng yêu cầu quy định của trường có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hương Sơn đã tích cực, chủ động tham mưu với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức rà soát để xây dựng kế hoạch thực hiện: Thời điểm năm 2011, toàn huyện có 99

trường học (Mầm non: 33, Tiểu học: 36, THCS: 25, THPT: 5). Nhiều trường có quy mô nhỏ, diện tích không đảm bảo quy định, điểm trường nhiều, hệ thống phòng học cấp 4 nhiều, cơ sở vật chất trường học khó khăn, xuống cấp. Toàn huyện chỉ có 5 xã đạt tiêu chí trường học. Giai đoạn 2011-2020, thực hiện công cuộc xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Trong những năm qua, mạng lưới trường lớp mầm non và phổ thông, được sắp xếp lại gắn nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

Đến cuối năm 2020, toàn huyện có 67 trường học gồm: 25 trường MN; 22 trường tiểu học; 12 trường THCS, 03 trường liên cấp TH-THCS, 5 trường THPT (4 trường THPT công lập, 01 trường THPT tư thục). Có 63/67 trường số trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 94,02%, trong đó: Mầm non 23/25 trường (92%), Tiểu học 22/22 trường (100%), THCS và trường liên cấp TH-THCS 14/15 trường (93,3%), THPT 4/5 trường (80%). Cơ sở vật chất, thiết bị trường học được tập trung đầu tư, trong đó có 100% số trường đã có quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết, đã xây dựng mới 384 phòng học, 912 phòng chức năng; tu sửa nâng cấp 375 phòng học; 232 phòng chức năng; có 07 trường được xây dựng mới đồng bộ, 27 trường mở rộng khuôn viên; xây mới 64 công trình vệ sinh học sinh, giáo viên; xây mới 46 phòng/nhà giáo dục thể chất, 02 nhà tập đa năng; xây mới 36 nhà ăn bán trú cho các trường mầm non, tiểu học. 100% trường tiểu học, THCS có thư viện đảm bảo phục vụ giáo viên và học sinh. Các trường học đều có hàng rào kiên cố khép kín đảm bảo an toàn. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy, giáo dục thường xuyên được bổ sung, mua sắm đáp ứng yêu cầu dạy học: mua mới 276 tivi, 782 bộ máy vi tính và các trang thiết bị khác. Khuôn viên các trường học được quy hoạch, mở rộng đảm bảo diện tích; hệ thống sân chơi, bãi tập, nhà để xe, nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh luôn được quan tâm; hệ thống cấp thoát nước, điện phục vụ hoạt động của nhà trường được đầu tư đồng bộ, hầu hết các trường học đều đảm bảo khuôn viên xanh - sạch - đẹp - an toàn; 100% trường học có kết nối Internet, có Website thông tin hoạt động thường xuyên; trang thiết bị, đồ dùng phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu được trang bị đáp ứng yêu cầu. Hương Sơn là một huyện miền núi có đường biên giới dài tiếp giáp với nước bạn Lào, nhiều xã thuộc diện vùng sâu, là huyện thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai nên cơ sở vật chất trường học nhanh xuống cấp. Tuy nhiên, qua quá trình xây dựng nông thôn mới luôn được địa phương quan tâm nâng cấp, bổ sung. Đến thời điểm hiện nay, Hương Sơn là một huyện có cơ sở vật chất trường học các cấp đáp ứng yêu cầu của trường có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia. Đến nay, có 62 trường học MN, TH, THCS tại 23/23 xã có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Trường học.

2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa:

Năm 2010, khởi đầu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện Hương Sơn không có công trình văn hóa, thể thao nào đạt chuẩn tiêu chí cả về quy mô, diện tích đất, trang thiết bị, và công trình phụ trợ.

Nói chung, hệ thống cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, luyện tập thể dục, thể thao, vui chơi giải trí vừa thiếu, vừa yếu không đáp ứng được nhu cầu của người dân, cũng như các quy định đạt chuẩn.

Đến nay, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên toàn huyện đã đạt chuẩn. Các công trình văn hóa, thể thao cấp xã và cấp thôn chủ yếu được xây mới nên chất lượng tiêu chí khá bền vững..

Thực hiện chủ trương sáp nhập xã, nhập thôn, huyện Hương Sơn hiện nay có 25 xã, thị trấn (23 xã, 02 thị trấn) với 224 thôn, tổ dân phố. Cơ sở vật chất được trang bị đảm bảo hoạt động thường xuyên: 100% xã có phòng đọc, thư viện xã, có nơi sinh hoạt câu lạc bộ, phòng phát thanh chuyên đề. 100% xã có khu thể thao sân bóng đá, bóng chuyền và sân vận động xã diện tích trên 13.000m², bố trí đầy đủ hàng rào, cổng, cây xanh và thiết bị chuyên môn...100% xã có quy hoạch và xây dựng điểm vui chơi giải trí cho người già và trẻ em; 100% xã có dịch vụ viễn thông, internet, mỗi xã có ít nhất 01 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng. 100% xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các cụm dân cư. Hệ thống nhà văn hóa thôn được trang bị đầy đủ khánh tiết, loa máy, bàn ghế, mái che, công trình phụ trợ. 100% thôn có sân bóng chuyền, bóng chuyền hơi, bóng đá, dụng cụ tập thể thao và các sân thể thao đơn giản khác. Cơ sở vật chất thiết chế văn hóa cơ sở đã thay đổi hoàn toàn về diện mạo và chất lượng phục vụ tốt các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của Nhân dân trên địa bàn.

- Tỷ lệ hàng rào xanh tại các công trình văn hóa, thể thao ở xã, thôn trên địa bàn huyện đạt trên 70%, nhiều công trình hàng rào xanh tạo điểm nhấn xanh - sạch - đẹp, vừa tiết kiệm kinh phí xây dựng, vừa bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu trong xu hướng cứng hóa và bê tông hóa hiện nay.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa.

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Hệ thống hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn huyện được đầu tư xây dựng cơ bản đáp ứng nhu cầu kinh doanh, buôn bán, trao đổi hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện và các vùng lân cận, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập. Huyện Hương Sơn có 23 xã, trong đó hiện trạng có 8 chợ trên địa bàn 8 xã nông thôn, là chợ hạng III thuộc quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh. Đến nay 8/8 chợ đã được chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ sang hình thức doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh, quản lý. Các chợ sau khi chuyển đổi đã được đầu tư xây dựng khang trang, công tác vệ sinh môi trường và công tác quản lý chợ được đảm bảo (05 chợ cải tạo; 03 chợ xây dựng mới). 8/8 chợ của 8 xã được thẩm định, đánh giá đạt chuẩn tiêu chí chợ nông thôn. 15 xã còn lại không quy hoạch chợ, hiện trạng có 16 cửa hàng tiện lợi, 71 cửa hàng tạp hóa đã được thẩm định, đánh giá đạt chuẩn.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

Xã có điểm phục vụ Bưu chính: 23/23 xã trên toàn huyện có điểm phục vụ Bưu chính với nhà làm việc thoáng mát được sơn màu vàng theo nhận diện thương hiệu bưu điện Việt Nam, sân có mái che, có ghế đá, khuôn viên có bồn hoa, công trình vệ sinh, tường rào xây xanh, cổng sắt, có vị trí thuận tiện cho việc cung ứng và sử dụng các dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông. Có máy tính kết nối Internet, cân điện tử hoặc cân cơ học, thùng thư trong nước và quốc tế, bàn ghế phục vụ nghiên cứu, đọc sách báo, tủ đựng sách báo, biển vẫy và biển tên điểm phục vụ, niêm yết giờ mở cửa phục vụ, nội quy hoạt động và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ và các Điểm hoạt động đúng thời gian quy định.

Xã có dịch vụ viễn thông, Internet: Tất cả các thôn trên địa bàn có hạ tầng sử dụng dịch vụ điện thoại di động và dịch vụ truy nhập Internet đáp ứng theo tiêu chuẩn đề ra.

Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn: Tại 23 xã có hệ thống Trạm truyền thanh đang hoạt động ổn định, 100% số thôn trong xã có hệ thống loa truyền thanh kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt, cập nhật đầy đủ nhật ký truyền thanh cơ sở điện tử, có giấy phép tần số vô tuyến điện với đài truyền thanh không dây.

Xã có ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành: Tại Đảng ủy, HĐND, UBND có máy vi tính phục vụ công tác, được kết nối mạng LAN, mạng Internet. Tại 23 xã: Cán bộ, công chức xã có máy vi tính phục vụ hoạt động chuyên môn từ 18 đến 22 máy tính (đạt tỷ lệ 90%-100%). Trên 80% cán bộ, công chức xã biết sử dụng máy tính phục vụ hoạt động chuyên môn. Đảng ủy, HĐND, UBND tại các xã đã sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ, văn bản và điều hành tác nghiệp; thực hiện nhận/gửi văn bản chỉ đạo, điều hành qua mạng Internet. 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản và được đào tạo để sử dụng phần mềm điều hành tác nghiệp phục vụ nhiệm vụ chuyên môn. UBND xã sử dụng ít nhất ba phần mềm hỗ trợ hoạt động quản lý nghiệp vụ trong số các phần mềm nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực: Tài chính; Tư pháp hộ tịch; Địa chính; Đối tượng chính sách-người có công; Bảo hiểm y tế - Bảo hiểm xã hội; Xây dựng; Thông tin - Truyền thông, Văn hóa. Tất cả các xã có trang thông tin điện tử đáp ứng các yêu cầu.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, thu nhập ngày càng tăng lên, Nhân dân đã đầu tư xây dựng nhà ở đảm bảo kiên cố, khang trang. Bên cạnh đó, huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các cơ chế chính sách hỗ trợ của Đảng, Nhà nước, kêu gọi các tổ chức, cá nhân hỗ trợ để kiên cố hóa nhà ở cho người dân trên địa bàn; thực hiện tốt chính sách nhà ở cho người nghèo, người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở (Quyết định 22 và Nghị quyết 63, 46 của Chính phủ) đảm bảo 3 cứng; trong 10 năm toàn huyện xóa bỏ 2.230 nhà tạm,

nhà dột nát; xây dựng 4.417 nhà ở đạt chuẩn; hỗ trợ hộ nghèo vay vốn cải thiện nhà ở từ Ngân hàng chính sách xã hội, quỹ vì người nghèo... Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân chủ động xây mới, cải tạo, nâng cấp nhà ở, công trình phụ trợ, công trình vệ sinh đảm bảo sinh hoạt của người dân.

Hiện nay toàn huyện Hương Sơn không còn nhà tạm, nhà dột nát, tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng trên địa bàn 23 xã là 31.777/35.191 hộ, đạt 90,3%; .

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư.

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập:

Xác định phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho Nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm của xây dựng nông thôn mới, huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển kinh tế huyện nhà; tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; xác định các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực trên địa bàn; ban hành đồng bộ hệ thống các chính sách và tập trung chỉ đạo quyết liệt, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng mới, ngoài chính sách của tỉnh, hằng năm huyện đều ban hành riêng chính sách của huyện. Trong những năm qua kinh tế - xã hội huyện đã đạt được những kết quả tích cực: Tổng giá trị sản xuất năm 2020 đạt 7.798 tỷ đồng, tăng 6,06% so với năm 2019. Tổng giá trị sản xuất đạt 11.221 tỷ đồng; cơ cấu theo các ngành: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 29,39%; Công nghiệp - Xây dựng 30,14%, Thương mại - Dịch vụ 40,46%. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2020 là 1.205,779 tỷ đồng, đạt 100,42% so với kế hoạch; trong đó vốn ngân sách 466,453 tỷ đồng, vốn ngoài ngân sách 739,326 tỷ đồng.

*** Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp**

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp đạt được nhiều kết quả, kinh tế nông nghiệp chuyên dịch theo hướng tích cực, phát triển sản xuất theo hướng công nghệ cao, hữu cơ, VietGAP, liên doanh, liên kết theo chuỗi giá trị được quan tâm. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010 -2020 là 18,39%. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp năm 2020 đạt 3.298 tỷ đồng tăng 225% so với năm 2011; tỷ trọng ngành chăn nuôi đạt 58,87% năm 2020; giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích năm 2020 đạt 88,12 triệu đồng/ha.

Về trồng trọt: Tập trung sản xuất các sản phẩm nông nghiệp truyền thống (Lúa, Lạc, Ngô...) để ổn định đời sống dân sinh, phục vụ nguồn thức ăn chăn nuôi. Khai thác tối đa lợi thế về đất đai, điều kiện sinh thái để phát triển các sản phẩm sản phẩm đặc sản, đặc thù của địa phương (Cam bù Hương Sơn, Cam chanh Sơn Mai); quy hoạch mở rộng diện tích các vùng sản xuất liên kết tập trung; phát triển các sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị; sản lượng lương thực năm 2020 đạt 55.421 tấn, tăng 27,7% so với năm 2011; sản lượng cây ăn quả đạt 31.847 tấn, tăng 113,9% so với năm 2011. Tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt năm 2020 đạt 1173,61 tỷ đồng, chiếm 35,28% giá trị ngành nông nghiệp, tăng 94,83% so với năm 2011.

- Cây ăn quả: Tổng diện tích cây ăn quả tăng nhanh từ 2.358 ha (285 ha cam bù, 500 ha cam chanh) năm 2011 lên 4.370ha (1.001 ha cam bù, 1.204 cam chanh) năm 2020. Ngoài chính sách mở rộng diện tích, nâng cao chất lượng các sản phẩm đặc thù của địa phương như cam bù, cam chanh, cam đường, bưởi đường, trong những năm qua huyện tập trung mở rộng các loại cây trồng khác như bưởi da xanh, ổi, mít, xoài... để nâng cao thu nhập vườn hộ.

- Chè công nghiệp: Giai đoạn 2011 - 2020 là một bước đột phá mạnh mẽ trong việc liên kết trồng chè, đổi mới đầu tư sản xuất chè theo tiêu chuẩn Chè an toàn; toàn huyện có 325 ha chè sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và 22 ha chè áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm tại xã Sơn Lĩnh, Sơn Kim2; sản lượng chè đạt 7.670 tấn vào năm 2020, tăng 204,4% so với năm 2011; sản phẩm chè của Xí nghiệp chè Tây Sơn được tỉnh đánh giá, công nhận đạt sản phẩm OCOP 3 sao; HTX bảo vệ rừng và trồng rừng, trồng chè công nghiệp Sơn Tây thí điểm thực hiện quy trình chế biến chè theo tiêu chuẩn HACCP, hoàn thiện quy trình sản xuất, từng bước đề xuất công nhận sản phẩm OCOP. Toàn bộ 100% sản phẩm chè liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp nên người dân an tâm, ổn định phát triển sản xuất.

Về chăn nuôi: Đã có sự chuyển biến rõ nét về tổ chức sản xuất, tăng cường liên kết theo chuỗi với các doanh nghiệp, đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp lớn cho tăng trưởng ngành. Tổng sản lượng thịt năm 2020 ước đạt 15.739 tấn, tăng 212,1% so với năm 2011, tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi năm 2020 đạt 1.697,49 tỷ đồng, tăng 435,6% so với năm 2011; Tỷ trọng chăn nuôi/giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 51,06%.

Về Lâm nghiệp: Chuyển đổi mạnh từ lâm nghiệp truyền thống sang lâm nghiệp xã hội, từ khai thác rừng tự nhiên sang trồng rừng, đóng cửa toàn bộ rừng tự nhiên, hình thành các vùng rừng nguyên liệu tập trung, mỗi năm trồng trên 1.000 ha rừng tập trung; đặc biệt trong những năm gần đây đã quan tâm phát triển các loại cây gỗ lớn, cây bản địa có giá trị cao, đã trồng 1.518 ha rừng gỗ lớn; sản lượng khai thác hàng năm đạt trên 80.200m³ gỗ nguyên liệu. Độ che phủ rừng năm 2020 đạt 71,07%, tăng 13,03% so với năm 2011. Xây dựng và được cấp chứng chỉ mô hình quản lý rừng bền vững FSC cho 19.931 ha rừng, đã trồng 1.665 ha rừng gỗ lớn trên đất rừng sản xuất.

*** Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng có bước phát triển:**

Tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng tăng bình quân hằng năm 18,32%. Năm 2020 giá trị sản xuất đạt 3.510 tỷ đồng, tăng 4,379 lần so với năm 2011, sản phẩm chủ yếu là: Vật liệu xây dựng đá, sỏi, gạch và chế biến gỗ ...Trên địa bàn huyện đã quy hoạch và đầu tư các cụm công nghiệp: Cụm Công nghiệp Khe Cò với diện tích hơn 18 ha; khu Công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đô thị sinh thái Đá Mòng với quy mô 490 ha, Khu Công nghiệp, thương mại và đô thị Hà Tân quy hoạch dọc theo Quốc lộ 8A từ cầu Hà Tân lên Đại Kim (Sơn Kim 1) với quy mô 200 ha; khu Công nghiệp Đại Kim với quy mô 26 ha; Nhà máy thủy điện Hương Sơn vận hành, khai thác ổn định;

sản xuất nước khoáng thiên nhiên Sơn Kim tiếp tục phát triển...Khu công nghiệp Khe Cò đã có một số doanh nghiệp đầu tư như: Gạch không nung của Công ty TNHH Thành Nhân, Nhà máy may công nghiệp của Công ty Cổ phần may Hương Sơn, Nhà máy sản xuất rượu và thực phẩm bảo vệ sức khỏe Hương Sơn của Công ty Cổ phần Sơn An ...

Nhiều dự án, công trình trọng điểm được đầu tư như: Dự án mở rộng, nâng cấp quốc lộ 8A; dự án Năng lượng nông thôn II (REII); dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8B nối quốc lộ 8A

*** Thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP):** Thực hiện Quyết định 490/QĐ-TTg ngày 7/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020, huyện Hương Sơn đã ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện, tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn thực hiện chương trình; hỗ trợ các cơ sở lập và thực hiện phương án sản xuất kinh doanh. Đến nay toàn huyện có 32 sản phẩm đã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn OCOP, năm 2021 dự kiến có 20 sản phẩm đạt chuẩn. Các sản phẩm đạt chuẩn OCOP đã tăng doanh số từ 1,5-2 lần so với ban đầu, thị trường tiêu thụ mở rộng trong và ngoài tỉnh, quy trình sản xuất được thực hiện nghiêm ngặt, đảm bảo an toàn thực phẩm đã tạo thương hiệu riêng của từng sản phẩm, người tiêu dùng tin tưởng và tạo hiệu ứng tích cực cho việc phát triển các sản phẩm OCOP khác trong thời gian tới.

Năm 2020, thu nhập bình quân đầu người toàn huyện đạt 39,29 triệu đồng/người/năm, gấp 2,20 lần so với năm 2013, trong đó khu vực nông thôn đạt 37,83 triệu đồng/người/năm, gấp 2,25 lần so với năm 2013 (năm 2013 điều tra thu nhập bình quân đầu người cấp xã theo Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh).

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 10 về Thu nhập.

2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

Các chính sách giảm nghèo được huyện triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả như hỗ trợ dạy nghề gắn với việc làm, hỗ trợ về y tế, hỗ trợ về giáo dục và đào tạo, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, vay vốn ưu đãi tạo điều kiện cho hộ nghèo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, vươn lên thoát nghèo bền vững.

Tổng số hộ dân cư toàn huyện 35.171 hộ; năm 2020, tổng số hộ nghèo 1.007 hộ, tỷ lệ hộ nghèo chung 2,86%, giảm 29,87% so với năm 2011(trong đó tỷ lệ hộ nghèo sau khi trừ số hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo là: 1,17% (604 hộ)); 23/23 xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Hộ nghèo.

2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

Trong những năm qua UBND huyện đã quan tâm đến lĩnh vực đào tạo

nhân lực, đa dạng các hình thức đào tạo nghề, tạo điều kiện cho người lao động được học nghề. Tổ chức nhiều lớp khuyến công, khuyến nông và dạy nghề cho lao động nông thôn nhằm tạo ra nguồn nhân lực có tay nghề và chuyên môn kỹ thuật, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Mở rộng đào tạo các ngành nghề mới, tổ chức mở rộng quy mô các ngành nghề có thế mạnh trên địa bàn để tạo thêm việc làm cho người lao động. Thành lập mới các doanh nghiệp và tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động, mở rộng quy mô sản xuất trên địa bàn.

Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn, Nghị quyết 56/2017/NQ-HĐND ngày 15/7/2017 của HĐND Tỉnh về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng giai đoạn 2010 - 2020, UBND huyện phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tích cực tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gồm các nghề: may, hàn xì, sửa chữa máy nông nghiệp, chế biến món ăn, mây tre đan, trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản... Sau 10 năm triển khai thực hiện đã tổ chức được 171 lớp dạy nghề cho 5.378 lao động. Năm 2020, toàn huyện có tổng số 64.229 người lao động tham gia hoạt động kinh tế, trong đó 64.224 người người có việc làm, tỷ lệ lao động có việc làm đạt 99,99 %; 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn tiêu chí lao động có việc làm.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 12 về Lao động việc làm.

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

- Về Hợp tác xã: Đến 31/5/2021, tại 23/23 xã đều có HTX hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012; kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ trong 02 năm liền kề đều có lãi; có hợp đồng liên kết với doanh nghiệp ít nhất một trong các khâu sản xuất, tiêu thụ nông sản; tỷ lệ hộ sử dụng dịch vụ từ HTX đạt tối thiểu 30%.

Toàn huyện có 94 HTX, trong đó có 80 HTX đang hoạt động, 14 HTX ngừng hoạt động thuộc diện phải giải thể. Toàn huyện có 43 HTX nông nghiệp, trong đó có 37 HTX DVTH nông nghiệp, 03 HTX chăn nuôi, 03 HTX trồng trọt.

Về kết quả hoạt động, sản xuất, kinh doanh: Năm 2020 doanh thu bình quân của HTX đạt 830 triệu đồng/HTX/năm, lãi bình quân 130 triệu đồng/HTX/năm. Theo báo cáo đánh giá của UBND huyện tại Văn bản số 107/BC-UBND ngày 21/5/2021, toàn huyện 14 HTX hoạt động khá (chiếm 17,5%), 49 HTX hoạt động trung bình (chiếm 61,25%) và 12 HTX hoạt động yếu (chiếm 15%), 5 HTX mới thành lập chưa tổ chức đánh giá (chiếm 6,25%).

Về hoạt động liên kết của HTX: các HTX đều có liên kết với doanh nghiệp ít nhất một trong các khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Một số HTX tham gia đã hình thành được liên kết giữa sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản như: HTX Hươu giống, Nhung Hươu, Mật ong (xã Sơn Lâm), HTX Mật ong Cường Nga (xã Quang Diệm) liên kết để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cam, nhung hươu, mật ong.... góp phần ổn định được đầu ra sản phẩm, từng

bước mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, thị trường tiêu thụ ra các tỉnh trong nước.

Tất cả các xã đều có tỷ lệ hộ sử dụng dịch vụ từ HTX đạt từ 30% trở lên trong tổng số hộ sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp trên địa bàn. Các dịch vụ của HTX chủ yếu là dịch vụ cung ứng đầu vào như: Phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực vật....

- **Về mô hình kinh tế:** Hiện nay toàn huyện có 473 mô hình, trong đó có 69 mô hình lớn, 97 mô hình vừa, 307 mô hình nhỏ; có 185 mô hình liên kết sản xuất kinh doanh (theo chuỗi giá trị và theo khâu đầu ra) đảm bảo bền vững, như: 25 mô hình liên kết chăn nuôi lợn thương phẩm với Công ty Cổ phần CP Việt Nam và Công ty Goldenstar, Công ty CP Mitraco Hà Tĩnh, có quy mô từ 500 - 1500 con/lứa/mô hình; 03 mô hình chăn nuôi lợn nái, quy mô từ 300 con - 650 con nái liên kết với Công ty Goldenstar, Tổng công ty khoáng sản thương mại Hà Tĩnh; 61 mô hình nuôi hươu quy mô từ 20 con - trên 100 con liên kết với Công ty cổ phần Nông nghiệp Hương Sơn, công ty cổ phần Sơn An, DNTN Thuận Hà, HTX nhung hươu, hươu giống Sơn Lâm; 03 mô hình gà, quy mô trên 5000 con liên kết với công ty Zafa, 01 mô hình trồng cỏ, quy mô trên 20 ha, liên kết với trang trại bò sữa Vinamilk; 65 mô hình cam, quy mô mỗi MH trên 05 ha liên kết với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hương Sơn, HTX cam bù Trường Mai, HTX dịch vụ NN Sơn Hàm; 09 mô hình chè, quy mô mỗi MH trên 03 ha liên kết với Xí nghiệp Chè Tây Sơn, Tổng đội thanh niên xung phong, HTX bảo vệ rừng và trồng rừng, trồng chè công nghiệp Sơn Tây; 05 mô hình sản xuất lạc, quy mô mỗi MH trên 5 ha, liên kết Doanh nghiệp Thắm An, HTX Thiện Hóa; 02 mô hình sản xuất ngô sinh khối, quy mô mỗi MH trên 05 ha, liên kết với trang trại bò sữa Vinamilk; 05 mô hình gỗ nguyên liệu rừng trồng, quy mô mỗi MH trên 20 ha, liên kết với công ty Bảo Lâm.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất.

2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

Hương Sơn là địa phương có truyền thống hiếu học và rất quan tâm đến công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ. Các địa phương và trường học đã tập trung thực hiện tốt công tác Phổ cập giáo dục-xóa mù chữ; có nhiều giải pháp tích cực để duy trì tỷ lệ huy động, nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất, do đó kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đạt được vững chắc; năm 2013 huyện đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; năm 2016 huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3; năm 2019 huyện đạt phổ cập giáo dục THCS mức độ 3; năm 2015 huyện đạt xóa mù chữ mức độ 2. Đến nay, duy trì bền vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3; xóa mù chữ mức độ 2. Với sự cố gắng, nỗ lực vượt qua khó khăn giai đoạn 2011-2020, Ngành GDĐT Hương Sơn đã đạt được nhiều thành tích: Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua (năm 2020), Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Cờ thi đua (năm 2016, 2017), UBND tỉnh tặng Cờ thi đua (năm 2015); được Bộ trưởng

GDĐT tặng Bằng khen (năm 2018, 2019), Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen (năm 2016). Phòng GDĐT Hương Sơn là đơn vị được vinh danh tại Đại hội thi đua yêu nước toàn tỉnh giai đoạn 2015-2020 và nhiều bằng khen, giấy khen khác. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm tiếp tục học lên THPT, bổ túc THPT, trung cấp nghề..., hàng năm đạt trên 95%.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo.

2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế

Thực hiện kế hoạch xây dựng chuẩn quốc gia giai đoạn 2011-2020, đến nay 23/23 trạm y tế được sửa chữa, nâng cấp và xây mới, trong đó có 13 trạm y tế xây mới kiên cố (Sơn Bình, Sơn Trà, Tân Mỹ Hà, Sơn Ninh, Sơn Tiến, Sơn Trung, Kim Hoa, Sơn Trường, Sơn Hàm, Sơn Kim 1, Sơn Tây, Sơn Lĩnh, Quang Diệm, Sơn Lâm), nâng cấp 01 trạm y tế (Quang Diệm). Các trạm y tế có đầy đủ các phòng chức năng chuyên môn, giường, bàn ghế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho Nhân dân trên địa bàn. Về trang thiết bị y tế: Đến năm 2013, 100% trạm y tế cơ bản có đầy đủ các trang thiết bị y tế theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, với khoảng 154 danh mục, trong đó 09 trạm y tế có máy siêu âm; 23/23 trạm y tế có máy đo đường huyết, điện tim, máy điện châm, giường Inox và các dụng cụ khác; các trạm y tế được sắp xếp đủ nhân lực cơ cấu theo quy định tính trên tỷ lệ dân số và theo phân vùng. Đội ngũ y, bác sỹ tại tuyến xã, thị trấn thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; Đến nay 23/23 trạm y tế xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế là 105.461/112.426, đạt 93,8 %; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi là 11,6% (1.066/9.209); tỷ lệ người dân được lập hồ sơ sức khỏe điện tử toàn huyện đạt 98% .

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Y tế

2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hoá

Đến nay, toàn huyện có 220/224 thôn được công nhận Thôn văn hóa, đạt 98,2% (tăng 94,8% so với năm 2010); 32.411/35.191 hộ gia đình danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt 92,1% (tăng 33,9 % so năm 2010); các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn, phát huy. 100% thôn có hương ước và thực hiện tốt hương ước. Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội được phổ biến, tuyên truyền thường xuyên nên người dân thực hiện nghiêm túc.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được cấp ủy, chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện gắn kết chặt chẽ. Hoạt động thông tin tuyên truyền có nhiều đổi mới cả về nội dung và hình thức; tuyên truyền trực quan có chuyển biến mạnh mẽ từ huyện đến cơ sở, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, kinh tế văn hóa xã hội của địa phương. Các xã thực hiện nghiêm túc việc tiếp sóng đài 3 cấp và truyền tải các thông tin quản lý, điều hành của địa phương. Đài truyền thanh các xã hoạt động thường xuyên hiệu quả, 100% số hộ gia đình của các thôn tiếp cận được các thông tin tuyên truyền về

chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các thông tin về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Văn hóa.

2.17. Tiêu chí 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm

Xác định bảo vệ môi trường là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng nông thôn mới, gắn với cuộc sống hàng ngày của Nhân dân, trong những năm qua huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng môi trường. Tập trung công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho người dân thông qua phát động các phong trào như xây dựng gia đình 5 không 3 sạch, hưởng ứng ngày môi trường Thế giới, tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội phát động phong trào xây dựng Chi hội Xanh - Sạch - Đẹp, đoạn đường Xanh - Sạch - Đẹp, xây dựng khu dân cư mẫu, vườn mẫu, phân loại rác tại nguồn, phong trào làm nệm lót sinh học cho chăn nuôi nông hộ...

Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực môi trường được quan tâm, hàng năm huyện ưu tiên bố trí ngân sách, lồng ghép nguồn vốn để hỗ trợ mở rộng mạng lưới cấp nước sạch ở các địa phương, bố trí ngân sách thanh toán chi phí xử lý rác thải sinh hoạt, hỗ trợ mua sắm phương tiện chuyên dụng để thu gom, vận chuyển rác. Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Nhờ thực hiện tốt và đồng bộ nhiều giải pháp nên môi trường trên địa bàn huyện được cải thiện, ngày càng sạch, đẹp, văn minh.

*** Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch:**

Trên địa bàn huyện có 02 nhà máy xử lý nước sạch (01 nhà máy tại Thị trấn Phố Châu và 01 nhà máy tại thị trấn Tây Sơn) cấp nước cho 4.449 hộ của thị trấn Tây Sơn, thị trấn Phố Châu và xã Sơn Trung. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh tại các xã trên toàn huyện (trừ 2 thị trấn) là 30.410/30.756 hộ, đạt 98,9%; Tỷ lệ số hộ sử dụng nước đạt Quy chuẩn quốc gia (QCVN02:2009/BYT) có 21.255/30.756; đạt 69,1%. Định kỳ, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn lấy mẫu xác suất theo tỷ lệ từ 2% đến 3% số hộ gia đình, xét nghiệm đánh giá chất lượng nước sinh hoạt, làm cơ sở đánh giá tỷ lệ số hộ gia đình sử dụng nước đạt quy chuẩn quốc gia. Ngoài ra, tại các xã, thị trấn đã có hơn 76% số hộ gia đình sử dụng thiết bị xử lý nước sạch nhỏ lẻ hộ gia đình (Máy lọc nước RO...).

*** Có 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:**

Trên địa bàn huyện Hương Sơn có 2.558 cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến, dịch vụ hoạt động đảm bảo môi trường, đạt tỷ lệ 100%, trong đó: 132 cơ sở thuộc đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường và Đề án bảo vệ môi trường đã được UBND huyện xác nhận; 32 cơ sở thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường được UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh xác nhận (trong đó 17 hồ sơ Báo cáo

đánh giá tác động môi trường được UBND tỉnh phê duyệt, 12 hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường được Ban quản lý KKT tỉnh phê duyệt, 03 hồ sơ kế hoạch bảo vệ môi trường được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận); 2.394 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ không thuộc đối tượng phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ, các cơ sở này được các địa phương quản lý, kiểm tra và giám sát theo quy định.

**** Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn:***

Cảnh quan môi trường, đường làng ngõ xóm, khu dân cư được chỉnh trang đảm bảo sạch, đẹp, hàng rào được trồng cây xanh và phủ bằng cây xanh; có 24.278 hộ cải tạo, chỉnh trang vườn hộ (đạt 83%), 24.104 hộ chỉnh tra hàng rào (Đạt 83%). Đặc biệt, các xã đều xây dựng các cụm dân cư sáng - xanh - sạch - đẹp - văn minh - an toàn và 349 tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp. Ủy ban nhân dân các xã giao cụ thể từng tổ chức đoàn thể phụ trách quản lý, bảo vệ các tuyến đường, định kỳ hàng tháng tổng vệ sinh môi trường gắn với phong trào thi đua xây dựng các tuyến đường Xanh - Sạch - Đẹp được nhân rộng, phát huy tại tất cả các thôn xóm, góp phần nâng cao trách nhiệm và ý thức của cộng đồng trong công tác vệ sinh môi trường. Các địa phương trên địa bàn huyện hàng năm đã tổ chức trồng cây xanh trên các tuyến đường trục xã đạt 88,3 km/88,3km (100%). Đến nay, đã triển khai xây dựng khu dân cư mẫu tại 224/224 thôn; có 707 vườn đạt chuẩn vườn mẫu, mỗi xã có ít nhất từ 20 vườn mẫu, các vườn mẫu đã trở thành điểm nhấn góp phần xây dựng cảnh quan, môi trường nông thôn trở thành những "miền quê đáng sống".

**** Quản lý, thực hiện mai táng theo quy định, phong tục tập quán và theo hương ước của địa phương tại các nghĩa trang được quy hoạch; nghĩa trang được xây dựng và quản lý theo quy hoạch:***

Trên địa bàn huyện quy hoạch 80 nghĩa trang, xây dựng các hạng mục theo quy hoạch NTM được phê duyệt (cổng, biển tên, công bố quy hoạch, hàng rào, trồng cây xanh,...), các địa phương đã thành lập Ban quản trang, quy chế quản lý nghĩa trang theo quy định. Các nghĩa trang đã được quy hoạch, tổ chức quản lý xây dựng, bên cạnh đó các địa phương đã ban hành Quyết định, Thông báo đóng cửa 85 nghĩa trang không sử dụng.

**** Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.***

- Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn:

Toàn huyện có 21 điểm tập kết/trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt, đã xây dựng đầy đủ các hạng mục đảm bảo theo quy định (hàng rào, cây xanh xung quanh, cổng, gắn biển "Điểm tập kết/điểm trung chuyển rác tạm thời", hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác"). UBND các xã giao HTX dịch vụ môi trường hoặc đại diện thôn, xóm quản lý nhằm duy trì, vận hành đảm bảo theo yêu cầu, đồng thời, không để xảy ra tình trạng đổ rác tràn ra đường xung quanh điểm tập kết.

Đến nay, 25/25 xã, thị trấn đều xây dựng phương án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải. Hiện nay trên địa bàn huyện có 25 Hợp tác xã môi trường hoạt

động trên địa bàn 25 xã, thị trấn với tổng số 200 lao động, 175 xe đẩy tay, 04 xe chuyên dụng, 21 xe ô tô tải phục vụ thu gom vận chuyển rác thải.

Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Hội phụ nữ, Hội nông dân, các Tổ chức, đoàn thể cấp huyện tổ chức 205 cuộc tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn phân loại, xây dựng các mô hình phân loại, xử lý rác tại hộ gia đình. Nhiều hộ gia đình đã có ý thức phân loại rác tại nguồn, xây dựng các bể ủ phân hữu cơ để xử lý rác thải hữu cơ phát sinh của gia đình bằng phương pháp ủ phân vi sinh, sử dụng chế phẩm sinh học phun, ủ, xử lý phân chuồng để bón cây trồng trong vườn, ngoài đồng ruộng... góp phần giảm tải lượng rác thải hữu cơ ngay tại nguồn, giảm ngân sách địa phương hỗ trợ xử lý rác thải sinh hoạt và giảm ô nhiễm môi trường.

+ Đối với rác thải hữu cơ: UBND huyện đã xây dựng Đề án phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn giai đoạn 2020 đến 2022 và được Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 103/2019/NQ-HĐND ngày 20/12/2019. Trên cơ sở đó 25/25 xã, thị trấn đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện hàng năm. Đến nay, qua gần 02 năm thực hiện đã đạt được nhiều kết quả tích cực, trên địa bàn huyện có 27.981/31.018 (90,2%) hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải, có 9.596 hộ xây dựng các mô hình ủ phân vi sinh từ rác hữu cơ. Khối lượng rác thải hữu cơ được phân loại và xử lý tại hộ trên địa bàn các xã bình quân đạt 21,83 tấn/ngày (*chiếm tỷ lệ 39,2% lượng rác thải phát sinh*).

+ Đối với rác thải khó phân hủy: Sau khi được phân loại, các HTX dịch vụ môi trường hoặc tổ, đội vệ sinh thu gom, sau đó vận chuyển về điểm tập kết tạm thời và định kỳ vận chuyển về 02 khu xử lý tập trung của huyện (xử lý bằng lò đốt tại thị trấn Phố Châu và Bãi chôn lấp rác thải thị trấn Tây Sơn). Hàng năm, UBND huyện trích ngân sách cấp kinh phí xử lý đầy đủ cho 02 khu xử lý rác thải.

+ Đối với phế liệu khác: Các hộ gia đình đã phân loại, chủ động liên hệ với đơn vị thu gom phế liệu trên địa bàn để thu mua, khối lượng rác thải tái sử dụng, tái chế được người dân tái sử dụng hoặc bán phế liệu ước đạt khoảng 3,34 tấn/ngày (6%).

Về lâu dài để xử lý rác thải sinh hoạt đảm bảo yêu cầu theo quy định UBND huyện đang đôn đốc nhà đầu tư hoàn tất thủ tục đầu tư 01 lò đốt rác thải sinh hoạt tại xã Sơn Tây với công suất 2 tấn/giờ (20 tấn/ngày) nhằm xử lý 100% lượng rác thải phát sinh trên địa bàn huyện, đồng thời, giảm tải cho các khu xử lý rác thải hiện nay trên địa bàn huyện.

- *Xây dựng hệ thống mương tiêu thoát nước thải trong khu dân cư: trên địa bàn 23 xã và 2 thị trấn có trên 208,1 km mương tiêu thoát nước thải khu dân cư được xây dựng đảm bảo quy định, các đoạn rãnh thoát nước thường xuyên được nạo vét, khơi thông đảm bảo khả năng thoát nước, các khu dân cư không có hiện tượng nước thải ứ đọng, ngập úng.*

Hiện nay, huyện đã triển khai xây dựng điểm 3.514 mô hình hình thu gom, sơ xử lý nước thải tại các hộ gia đình (trong đó có 250 hộ xây bằng nhựa

compozit; 3.264 hộ xây dựng bằng ống bê tông) với hệ thống đường ống thu gom dẫn nước thải, xây dựng hệ thống xử lý nước thải 03 ngăn xử lý theo nguyên lý xử lý như bể tự hoại, có bổ sung thêm chế phẩm sinh học nhằm tăng hiệu quả xử lý của hệ thống. Các hộ gia đình đều có các biện pháp xử lý nước thải sơ bộ bằng các bể thu gom, lắng lọc trước khi đầu nối với mạng tiêu thoát nước khu dân cư, các khu dân cư không có hiện tượng nước thải ứ đọng, ngập úng.

**** Có trên 90% hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch***

Trên địa bàn huyện có 28.884/31.018 (đạt 93,1%) hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh, 29.000/31.018 (93,5%) hộ gia đình có nhà tắm hợp vệ sinh; có 29.554/31.018 (đạt 95,3%) hộ gia đình có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và 28.329/31.018 (91,3%) hộ gia đình đảm bảo 3 sạch.

**** Có trên 90% hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường***

Toàn huyện có 38 cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô lớn (01 cơ sở chăn nuôi bò sữa Vinamilk, 37 cơ sở chăn nuôi lợn), trong đó có 17 cơ sở chăn nuôi lợn có quy mô >1000 con/lứa và 20 cơ sở chăn nuôi có quy mô < 1.000 con/lứa quá trình hoạt động sản xuất chăn nuôi đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường và có các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp; Ngoài ra có 19.028 hộ chăn nuôi nông hộ (lợn, trâu, bò, hươu, dê và gia cầm khác)...trong đó, có 2.720 hộ chăn nuôi lợn (có 43 hộ chăn nuôi lợn quy mô từ 50 đến 100 con), và 16.308 hộ chăn nuôi dê, bò, trâu, hươu và gia cầm khác. Các hộ chăn nuôi trâu bò hầu hết xây dựng hố ủ phân và đệm lót sinh học, các hộ chăn nuôi lợn đều xây dựng bể biogas, bể lắng. Các hộ gia đình chăn nuôi trong khu dân cư thực hiện cam kết vệ sinh môi trường với thôn xóm, chính quyền địa phương; chuồng nuôi được bố trí nằm tách biệt nhà ở, nguồn nước, đảm bảo phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh, thực hiện thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi và các điều kiện vệ sinh thú ý trong chăn nuôi theo quy định tại Luật thú y. Tỷ lệ hộ gia đình chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường 17.605/19.028 hộ (đạt 92,5%.)

**** Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:***

Công tác đảm bảo ATTP luôn được quan tâm, chú trọng. Hàng năm, UBND huyện xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa; 100% thành viên Ban chỉ đạo ATTP, cán bộ làm công tác ATTP từ huyện đến xã được tập huấn, bồi dưỡng đầy đủ kiến thức, thực hành đúng về quản lý ATTP trên các lĩnh vực.

Toàn huyện có 943 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (đạt 100%). Việc chấp hành pháp luật về ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nhiều chuyên biến rõ rệt, các điều kiện ATTP được đảm bảo tốt hơn. Vì vậy, trong những năm qua, trên địa bàn huyện không xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm.

2.18. Tiêu chí 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

- Hệ thống chính trị:

Trên cơ sở thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã so với tiêu chuẩn theo quy định, huyện Hương Sơn tổ chức thực hiện việc quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, thực hiện các chế độ, chính sách, tinh giản biên chế đối với những công chức có năng lực hạn chế hoặc có trình độ chuyên môn không phù hợp với vị trí việc làm; công tác cán bộ, công chức cấp xã từng bước và ngày càng được trẻ hoá, chuẩn hoá. Đến nay, 100% cán bộ, công chức của 23/23 xã thuộc huyện Hương Sơn đạt chuẩn theo quy định; 23/23 xã thuộc huyện Hương Sơn có đầy đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị, gồm: Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh;

Hàng năm, Huyện ủy, UBND huyện Hương Sơn đã ban hành hướng dẫn đánh giá, xếp loại hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền theo quy định. Đảng bộ, chính quyền cấp xã có các giải pháp duy trì ổn định, lâu dài, chất lượng tổ chức Đảng; Theo kết quả đánh giá, xếp loại của năm 2020 thì 23/23 xã thuộc huyện Hương Sơn có Đảng bộ, chính quyền được đánh giá, xếp loại "hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên.

Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã đóng vai trò rất quan trọng trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng chung tay xây dựng NTM. Định kỳ hàng năm, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã tổ chức đánh giá chất lượng theo quy định và hướng dẫn của ngành cấp trên; Theo kết quả đánh giá, xếp loại của năm 2020 thì các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của 23/23 xã thuộc huyện Hương Sơn đạt loại khá trở lên.

Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy cơ sở nhiệm kỳ 2020-2025 đạt 24,17% (80 nữ/331); cấp huyện đạt 15,38 % (6 nữ/39 người) và đều có quy hoạch cán bộ nữ chủ chốt theo quy định; 23/23 xã có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt hoặc có tỷ lệ nữ cấp ủy viên đạt từ 15% trở lên hoặc có cán bộ nữ tham gia Ban Thường vụ Đảng ủy xã và có quy hoạch nữ lãnh đạo chủ chốt ở xã

- Tiếp cận pháp luật:

Đến nay 23/23 xã đáp ứng đủ 04 điều kiện để được công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh, đó là: Không có tiêu chí nào đạt dưới 50% số điểm tối đa; Tổng số điểm của các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật đảm bảo đạt theo yêu cầu về phân loại hành chính cấp xã; Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính tại UBND xã đạt từ 80% số điểm tối đa trở lên; Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh

cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

2.19. Tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh

- Về Quốc phòng:

Ban CHQS cấp xã được biên chế theo đúng quy định, Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm; các đồng chí Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng đã qua đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở; hàng năm được tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. 23/23 xã đã có phòng làm việc riêng và được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định; cán bộ Ban CHQS cấp xã được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Trưởng, Phó Ban CHQS được hưởng chế độ, chính sách và các chế độ đãi ngộ khác theo quy định của pháp luật.

Hàng năm Ban CHQS các xã tham mưu cho UBND xã kết nạp chiến sĩ Dân quân mới và trao quyết định cho chiến sĩ Dân quân đã hoàn thành nhiệm vụ. Xây dựng lực lượng Dân quân theo đúng các văn bản hướng dẫn của cấp trên, mỗi xã xây dựng 01 trung đội Dân quân cơ động 31 đồng chí; 01 tổ thông tin, 01 tổ trinh sát, 01 tổ công binh, 01 tổ y tế; ngoài ra, huyện có 01 tiểu đội dân quân thường trực 11 đồng chí luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

Các đối tượng Dân quân được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo nội dung, thời gian, chương trình quy định, thông qua huấn luyện, trình độ chỉ huy, hiệp đồng của cán bộ, chiến sĩ dân quân được nâng lên rõ rệt.

Lực lượng Dân quân phối hợp tốt với các lực lượng khác trong giữ gìn ANCT, TTATXH, bảo vệ và phòng, chống, cháy rừng; tham mưu và xây dựng đầy đủ các kế hoạch theo, chất lượng các kế hoạch thể hiện đầy đủ, cụ thể các nhiệm vụ được giao, giúp người chỉ huy hoàn thành tốt nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tổ chức đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi dân quân tự vệ thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự và lập danh sách báo cáo Ban CHQS huyện theo quy định. Tuyên truyền, triển khai thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự và tuyển sinh quân sự ngành quân sự cơ sở; hoàn thành 100% chỉ tiêu của Chủ tịch UBND huyện giao, đảm bảo chất lượng theo đúng quy định. 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ ở đơn vị thường trực về địa phương; phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu trên giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh; chỉ đạo lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác được giao.

Tổ chức tuyên truyền, giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, lực lượng vũ trang và Nhân dân; hoàn thành 100% chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng; công tác vận động quần chúng, công tác chính sách hậu phương Quân đội; tổ chức cho dân quân tự vệ, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh.

- *Về an ninh:*

Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 14/10/2006 của Bộ Chính trị về “Tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới”, Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới”. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát huy sâu rộng, phát huy hiệu quả trong công tác phòng chống tội phạm. Nhiều mô hình được duy trì, nhân rộng, xây dựng tại các xã, thị trấn, đến nay trên địa bàn huyện có 1.566 tổ liên gia tự quản về an ninh, trật tự, 224 tổ hòa giải, 09 loại mô hình, câu lạc bộ tự phòng, tự quản về an ninh, trật tự hoạt động có hiệu quả, điển hình như mô hình “Tổ liên gia tự quản về an ninh, trật tự”, “Camera an ninh”, “Năm tốt trên tuyến biên giới”... Hàng năm, Đảng ủy các xã trên địa bàn huyện đều đã ban hành Nghị quyết, UBND các xã xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự và tiến hành triển khai ký cam kết, đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” đến các hộ dân, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường trên địa bàn.

Kết quả: 23/23 xã của huyện Hương Sơn đều triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung tiêu chí; an ninh trật tự ở 23/23 xã được đảm bảo, các tệ nạn xã hội giảm đáng kể, không có khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; 23/23 xã đã được UBND huyện công nhận đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo Quy định của UBND tỉnh Hà Tĩnh về khu dân cư, xã, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” trên địa bàn tỉnh được ban hành tại Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh.

2.20. Tiêu chí 20 về Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu

Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu được huyện quan tâm, chú trọng chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả, trở thành nhu cầu của cộng đồng dân cư, mang lại lợi ích thiết thân cho người dân, kể cả về kinh tế, văn hóa và môi trường

- Khu dân cư NTM kiểu mẫu: Xác định xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu là bước đột phá trong xây dựng NTM, tạo ra những vùng quê trù phú, an lành, giàu bản sắc gắn với nâng cao hiệu quả kinh tế, nên hàng năm huyện đều giao chỉ tiêu cho các xã và hỗ trợ chính sách, tổ chức tập huấn, hướng dẫn; các địa phương cũng đã linh hoạt ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ cải tạo vườn, trồng cây ăn quả, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các thôn đăng ký thực hiện trong năm. Đến nay, đã triển khai xây dựng khu dân cư mẫu tại 224/224 thôn, trong đó có 84/224 thôn (chiếm 38%) đã đạt chuẩn. Một số thôn đạt kết quả tốt như: Chế

Biên (Sơn Kim 2), Tân Thịnh (An Hòa Thịnh), Hồng Hà (Tân Mỹ Hà),... Mỗi xã đều có ít nhất 02 khu dân cư NTM kiểu mẫu được công nhận đạt chuẩn.

- Vườn mẫu: Toàn huyện có trên 7.000 ha đất vườn của 26.363 vườn hộ (trong đó 20.114 vườn hộ có diện tích trên 500m²), với phương châm "Một mẫu Trạch hơn Bách mẫu điền", trong những năm qua huyện đã phát động phong trào cải tạo vườn gắn với xây dựng khu dân cư mẫu, vườn mẫu; Phong trào đã mang lại kết quả thiết thực, không những góp phần thay đổi môi trường, cảnh quan mà còn mang lại hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống, tập quán canh tác sản xuất của nhân dân. Nhiều vườn cho thu nhập cao, cảnh quan đẹp, điển hình như các vườn tại xã Kim Hoa, Quang Diệm, Sơn Lâm, Sơn Kim II, Sơn Phú, Sơn Thịnh... Đến nay 100% số vườn trên địa bàn thực hiện cải tạo vườn, trong đó có trên 13.528 vườn hoàn thành cải tạo, chiếm 67,3% tổng số vườn cần thực hiện; có 674 vườn đạt chuẩn vườn mẫu, mỗi xã có ít nhất từ 20 vườn mẫu trở lên, các vườn mẫu đã trở thành điểm sáng trong việc phát triển kinh tế vườn, nâng cao thu nhập cho người dân, tạo cảnh quan môi trường.

Bên cạnh việc xây dựng khu dân cư mẫu, vườn mẫu, huyện còn ban hành riêng Bộ tiêu chí xây dựng Cụm dân cư “sáng-xanh-sạch-đẹp-an toàn- văn minh” gắn với tuyến đường “sáng-xanh-sạch-đẹp”, đồng thời ban hành riêng cơ chế hỗ trợ, nên đã tạo ra những cụm dân cư, tuyến đường điểm nhân. Nhiều khu dân cư mẫu, vườn mẫu, cụm dân cư, tuyến đường, mô hình kinh tế đã trở thành điểm tham quan, học tập kinh nghiệm đối với một số địa phương trong và ngoài tỉnh.

Đánh giá: Đến nay, 23/23 xã đạt chuẩn tiêu chí số 20 - Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014;

- Được công bố công khai;

- Có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt đề cương nhiệm vụ tại Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 với phạm vi quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính huyện Hương Sơn. Sau khi được phê duyệt đề cương nhiệm vụ, huyện Hương Sơn đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức khảo sát, lập quy hoạch, lấy ý kiến thống nhất của các cơ quan, địa phương, đơn vị trên địa bàn, lấy ý kiến nhân dân.

Sau khi hoàn thiện, Ủy ban nhân dân huyện đã trình Sở Xây dựng và các sở ngành để lấy ý kiến góp ý, thẩm định. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, huyện đã tổng hợp, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh và điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Hiện nay Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số.... Về chất lượng Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Sơn được lập đảm bảo các yêu cầu về nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định và đáp ứng được yêu cầu về định hướng quy hoạch phát triển đô thị, nông thôn; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp, phân vùng sản xuất trên cơ sở thế mạnh, tiềm năng lợi thế của địa phương; định hướng về phát triển công nghiệp-TTCN; thương mại dịch vụ-du lịch; định hướng về phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo sự kết nối giữa các vùng miền và kết nối với các huyện lân cận.

Sau khi có Quyết định phê duyệt quy hoạch, ban hành quy định quản lý quy hoạch, UBND huyện đã tổ chức công bố quy hoạch theo quy định.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Huyện Hương Sơn đạt chuẩn Tiêu chí huyện nông thôn mới số 1 về Quy hoạch.

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã;
- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%:

+ Đường bộ:

Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%.

Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

+ Đường thủy: Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

+ Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hệ thống giao thông như đường giao thông nông thôn trên địa bàn huyện Hương Sơn đã được đầu tư nâng cấp kết nối với nhau và kết nối tới trung tâm hành chính huyện, tỉnh thông qua các Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và hệ thống đường trục xã; Các sông lớn đã được lắp đặt hệ thống phao tiêu báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông.

- Đường bộ:

Trên địa bàn huyện Hương Sơn có 4 tuyến quốc lộ: QL8 (qua địa bàn huyện 65km), đường Hồ Chí Minh (qua địa bàn huyện 20km), QL8C (qua địa

bản huyện 48km), QL281 (qua địa bàn huyện 21,5km); các tuyến quốc lộ đã và đang được đầu tư nâng cấp, đáp ứng nhu cầu đi lại nhân dân, kết nối giao thông đối ngoại.

Để kết nối hệ thống đường quốc lộ (trên địa bàn huyện Hương Sơn không có đường tỉnh) hiện nay 05 tuyến đường huyện với chiều dài 72,92km đã đạt chuẩn tối thiểu cấp V, đạt 100% theo Đề án xây dựng huyện NTM và thời kỳ quy hoạch mạng lưới đường huyện. Còn lại 3 tuyến đường huyện với chiều dài 35,4km (hiện chưa có tuyến) được phân kỳ đầu tư giai đoạn sau 2021 và hiện nay đã được cơ quan có thẩm quyền đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2022-2025.

Huyện Hương Sơn đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường huyện theo Nghị quyết số 123/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, Quyết định 1962/QĐ-UBND ngày 13/7/2017, Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh.

- Đường thủy:

Trên địa bàn huyện có 01 tuyến đường thủy nội địa quốc gia (sông Ngàn Sâu) và 01 tuyến đường thủy nội địa địa phương (sông Ngàn Phố) do Ban Quản lý ĐTXD CTGT tỉnh trực tiếp quản lý. Đặc điểm tình trạng dòng sông vào mùa hè lưu lượng nước nhỏ, nhưng mùa lũ thì lưu lượng rất lớn tốc độ dòng chảy lớn, do lòng sông hẹp và sâu, địa hình dốc; do đó, việc vận tải bằng đường sông khó khăn

- Vận tải: Bến xe khách: Huyện Hương Sơn có 2 bến xe: bến xe Tây Sơn (đạt bến xe loại III) và bến xe Phố Châu (đạt bến xe loại V).

- Bố trí điểm dừng, điểm đỗ: Trên địa bàn huyện có 03 tuyến vận tải hành khách công cộng gồm các tuyến xe bus: Tuyến số 22 Hương Sơn - TP Vinh và ngược lại; tuyến số 04 Hương Sơn - TP Hà Tĩnh và ngược lại; tuyến số 09 Hương Sơn - Vũ Quang - TP Hà Tĩnh và ngược lại nên đảm bảo việc phục vụ nhu cầu đi lại của người dân; trên các tuyến xe bus bố trí các điểm dừng đỗ dọc theo quốc lộ.

c) Đánh giá Tiêu chí: Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện Hương Sơn đã được đầu tư xây dựng đồng bộ theo chuẩn NTM và đảm bảo tính kết nối giữa quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường trục xã. Huyện Hương Sơn đạt chuẩn Tiêu chí huyện nông thôn mới số 2 về Giao thông.

3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hệ thống tưới liên xã:

Hệ thống công trình tưới liên xã gồm 03 hồ chứa nước: Hồ Khe Mơ (cấp nước tưới cho các xã Sơn Hàm, TT Phố Châu), hồ Khe Cò (cấp nước tưới cho các

xã Sơn Lễ, Sơn Tiến, An Hòa Thịnh), hồ Cao Thắng (cấp nước tưới cho các xã Sơn Giang, Sơn Trung) và 02 trạm bơm: Trạm bơm Ghênh (cấp nước tưới cho các xã Sơn Phú, Sơn Trung, TT Phố Châu), trạm bơm Sơn Ninh (cấp nước tưới cho các xã Sơn Ninh, An Hòa Thịnh, Sơn Lễ).

Hiện nay các tuyến kênh chính thuộc công trình tưới liên xã trên địa bàn huyện cơ bản đã được đầu tư, nâng cấp kiên cố hóa và kết nối với hệ thống kênh nội đồng của các xã, cụ thể: Hệ thống kênh đập Cao Thắng có chiều dài 8,05km; hệ thống kênh đập Khe Mơ có chiều dài 7,2km; hệ thống kênh đập Khe Cò có chiều dài 13,5km; hệ thống kênh trạm bơm Ghênh có chiều dài 3,5km; hệ thống kênh trạm bơm Sơn Ninh có chiều dài 7,58km.

Hệ thống trục tiêu liên xã: Hệ thống tiêu thoát nước liên xã trên địa bàn huyện chủ yếu là các trục tiêu thoát tự nhiên, bao gồm:

+ Trục tiêu suối Rào Qua, và trục tiêu Chi Lòi: Tiêu thoát nước cho thị trấn Tây Sơn và xã Sơn Tây.

+ Trục tiêu Sông Con: Tiêu thoát nước cho các xã Sơn Hồng, Sơn Lĩnh và một phần xã Sơn Lâm.

+ Trục tiêu Hói Nậm: Tiêu thoát nước cho các xã Kim Hoa, Sơn Bằng, Sơn Phú, Sơn Trường.

+ Trục tiêu Khe Tràm, Khe Hàn Lâm: Tiêu thoát nước cho xã Sơn Giang và một phần xã Sơn Lâm.

+ Trục tiêu Hói Động: Tiêu thoát nước cho các xã Sơn Tiến, Sơn Lễ, An Hòa Thịnh đổ ra sông Ngàn Phố.

+ Trục tiêu Hói Hiến, Hói Vàng chảy ra sông Ngàn Sâu: Các trục tiêu này tiêu thoát nước cho các xã Sơn Trà, Sơn Bình, Sơn Châu, Sơn Long, Tân Mỹ Hà.

* Hệ thống công trình thủy lợi liên xã được đầu tư xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi của tỉnh (ban hành tại Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống thủy lợi Hà Tĩnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).

Hệ thống các công trình thủy lợi liên xã bao gồm các công trình tưới và công trình tiêu liên xã đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu úng, tiêu thoát lũ và phòng chống thiên tai cho các địa phương.

- Tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã được thành lập theo quy định hiện hành:

Hệ thống thủy lợi tưới liên xã trên địa bàn huyện Hương Sơn do Công ty TNHH MTV thủy Bắc Hà Tĩnh trực tiếp quản lý, khai thác và vận hành. Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Hà Tĩnh được hợp nhất từ các Công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi: Linh Cảm, Can Lộc, Hồng Lam và Hương Sơn (theo Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 05/9/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh); Việc thành lập Công ty phù hợp với các quy định tại Văn bản số 44/TTg-ĐMDN ngày 10/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2015 và Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 23/3/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2015.

- Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hoà phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý:

+ Kết quả thực hiện tưới nước phục vụ sản xuất trên địa bàn huyện Hương Sơn: Đối với diện tích lúa (cả 02 vụ Xuân và Hè Thu) hệ thống các công trình thủy lợi liên xã phục vụ cấp nước tưới cho 12/25 xã, thị trấn với diện tích 4.029/4.029 ha, đạt 100% so với kế hoạch được giao.

+ Về hiệu quả quản lý, khai thác: Hệ thống thủy lợi do Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Hà Tĩnh thực hiện quản lý, khai thác, vận hành có hiệu quả và bền vững, đáp ứng được nhu cầu tưới cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã, trong đó có huyện Hương Sơn. Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Hà Tĩnh được UBND tỉnh Hà Tĩnh xếp hạng doanh nghiệp hạng I tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 04/4/2018.

- Về thực hiện Phương án bảo vệ công trình thủy lợi:

+ Hàng năm, UBND huyện phối hợp cùng Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh và các địa phương tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá cụ thể hiện trạng các công trình thủy lợi, các công trình phòng chống thiên tai đặc biệt là các công trình thủy lợi liên xã, chủ động đề xuất các giải pháp, phương án nhằm đảm bảo an toàn cho công trình trước và trong mùa mưa lũ. Ngoài ra, UBND huyện ban hành quyết định giao chỉ tiêu về phương tiện, vật tư, nhu yếu phẩm cho các địa phương đảm bảo thực hiện tốt và có hiệu quả phương châm “4 tại chỗ” trong phòng ngừa và ứng phó thiên tai.

+ Các công trình liên xã (03 hồ Khe Cò, Khe Mơ, Cao Thắng và 02 trạm bơm Ghèn, Sơn Ninh): Hiện nay Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh đã lập và tổ chức thực hiện Phương án bảo vệ các công trình thủy lợi theo quy định.

c) *Đánh giá Tiêu chí*: Hệ thống thủy lợi của huyện Hương Sơn đã được đầu tư xây dựng phù hợp với Quy hoạch thủy lợi tỉnh Hà Tĩnh; đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai. Huyện Hương Sơn đạt chuẩn Tiêu chí huyện nông thôn mới số 3 về Thủy lợi.

3.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Huyện đạt chuẩn NTM về điện, phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp (*hệ thống điện*) đầu tư liên xã đạt các điều kiện như sau:

+ Đảm bảo “đạt” thông số kỹ thuật, an toàn điện theo Tiêu chí 4.1 tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 về Phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020;

+ Đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối (*về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ*) liên xã theo các thông số quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BCT của Bộ Công thương.

- Hệ thống điện đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh sau năm 2016, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu

sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2016 - 2020.

- 100% số xã trong huyện đạt Tiêu chí số 4 về điện theo Hướng dẫn của Bộ Công thương tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Toàn huyện có 321 trạm biến áp phân phối, với tổng công suất 58.243kVA; 346,63 km đường dây trung áp; 914,43 km đường dây hạ áp; 41.319 khách hàng sử dụng điện (trong đó 38.218 khách hàng sử dụng điện sinh hoạt; 3.101 khách hàng ngoài mục đích sử dụng điện sinh hoạt); tổng số 38.814 công tơ điện các loại.

Trạm biến áp phân phối chủ yếu sử dụng trạm treo, các trạm biến áp đảm bảo về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn điện theo quy định.

Đường dây trung áp với các cấp điện áp 35kV, 22kV, 10kV chủ yếu sử dụng dây nhôm lõi thép AC tiết diện dây dẫn 50mm², 70 mm² đối với nhánh rẽ; tiết diện dây dẫn 150mm², 95mm², 70mm² đối với trục chính; cột điện chủ yếu sử dụng cột bê tông ly tâm chiều cao 12m, 14m, 16m, 18m, 20m. Đường dây hạ áp cấp điện áp 0,4kV (nhánh rẽ một pha 0,2kV); dây dẫn chủ yếu sử dụng cáp vặn xoắn, cáp bọc AV tiết diện dây dẫn 70mm², 95mm² (đường trục 0,4kV); 35mm², 50mm² (nhánh rẽ 0,2kV); điện áp tại điểm đấu nối với khách hàng đảm bảo theo quy định; các yêu cầu khác đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về điện.

An toàn lưới điện trung áp đảm bảo theo các quy định tại Nghị định 14/2014/NĐ-CP của Chính phủ về an toàn điện, Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 14/2014/NĐ-CP; lưới điện hạ áp cơ bản đảm bảo an toàn điện theo quy chuẩn kỹ thuật điện nông thôn.

Hệ thống đường dây sau công tơ cơ bản đảm bảo các quy định, tiết diện dây dẫn từ 2,5mm² trở lên, đa số cột đỡ sau công tơ cao trên 04m, bán kính đường trục từ 80mm trở lên.

Công tơ điện được kiểm định định kỳ, còn nguyên kẹp chì; đơn vị quản lý vận hành thực hiện việc ngừng, giảm mức cung cấp điện đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 22/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện; các hộ dân được ký hợp đồng đầy đủ; bảng điện, dây điện trong các hộ gia đình đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn điện.

Tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn, thường xuyên từ lưới điện quốc gia: 100% (41.319/41.319 khách hàng).

Các thành phần, nội dung đánh giá khác cơ bản đảm bảo theo Quyết định số 4293/QĐ-BCT của Bộ Công Thương.

Đồng bộ theo yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối theo quy định tại Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương:

Tần số hệ thống điện nằm trong giới hạn (50±0,2)Hz với điều kiện bình

thường, $(50\pm 0,5)$ Hz với điều kiện chưa ổn định. Điện áp tại điểm đầu nối với khách hàng sử dụng điện (cấp điện áp 35kV, 22kV, 10kV, 0,4kV) đảm bảo sai lệch $\pm 5\%$ với điều kiện bình thường, trong khoảng $+5\%$ và -10% trong trường hợp có sự cố, trong khoảng $\pm 10\%$ trong trường hợp sự cố nghiêm trọng. Cân bằng pha đảm bảo 5% điện áp định danh với cấp điện áp trung và hạ áp. Sóng hài, nhấp nháy điện áp nằm trong giới hạn quy định. hệ số công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ đảm bảo các quy định.

- Giai đoạn 2016-2020, hệ thống điện trên địa bàn huyện Hương Sơn được đầu tư từ các nguồn, dự án của Công ty Điện lực Hà Tĩnh, dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia và các dự án khác; trong đó ngành điện chịu trách nhiệm chính đầu tư lưới điện phân phối và công tơ đến chân hàng rào các dự án và hộ dân; chủ đầu tư, hộ dân đầu tư phần sau hàng rào dự án và nhà dân theo quy định.

Hệ thống điện được đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp trên cơ sở mục tiêu đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định và an toàn, đáp ứng nhu cầu của người dân và phát triển kinh tế - xã hội của huyện, giảm bán kính cấp điện và tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp, tập trung cải tạo lưới điện 10kV lên 35kV. Khối lượng hệ thống điện được đầu tư phát triển theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và định hướng theo quy hoạch.

Hệ thống điện được đầu tư phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 (Hợp phần 2 - Quy hoạch chi tiết lưới điện trung và hạ áp sau các trạm biến áp 110kV đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 31/7/2017).

- 100% xã (23/23 xã) trong huyện đạt Tiêu chí số 4 về điện.

c) *Đánh giá Tiêu chí:* Các công trình hệ thống điện trung, hạ áp liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn, đạt tiêu chuẩn, đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương về huyện đạt chuẩn tiêu chí điện. Huyện Hương Sơn đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 4 về Điện.

3.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hoá - Giáo dục

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Về Y tế: Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III, Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn Quốc gia.

- Về Văn hoá: Huyện có Trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá - Thể thao & Du lịch và có nhiều hoạt động văn hóa thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

- Về Giáo dục: Có từ 60% trở lên số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

b1) *Về Y tế:*

Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn được thành lập trên cơ sở hợp nhất Bệnh viện Đa khoa huyện, Trung tâm Y tế dự phòng và Trung tâm Dân số - Kế

hoạch hóa gia đình huyện theo Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và được xếp hạng II.

Thời điểm trước khi sáp nhập, Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Sơn được xếp hạng II theo Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Trung tâm Y tế dự phòng đạt hạng II theo Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc xếp hạng đơn vị sự nghiệp Y tế.

** Lĩnh vực khám chữa bệnh:*

- Trung tâm Y tế huyện có quy mô 130 giường bệnh kế hoạch, giường bệnh thực tế 320 giường; cơ sở hạ tầng cơ bản đáp ứng các yêu cầu về triển khai các hoạt động chuyên môn theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao, hàng năm được bố trí nguồn kinh phí để cải tạo nâng cấp thường xuyên. Nhiều trang thiết bị hiện đại được đầu tư như: Máy chụp cắt lớp vi tính, máy tán sỏi bằng Laze ngược dòng, máy siêu âm 4D, máy XQ kỹ thuật số, máy mổ nội soi, máy đo lưu huyết não, máy xét nghiệm sinh hóa tự động, máy đo độ loãng xương...

- Công tác phát triển dịch vụ kỹ thuật mới được quan tâm chú trọng, Trung tâm Y tế là đơn vị vệ tinh của Bệnh viện E Hà Nội từ năm 2018; đã thực hiện được 5.482 dịch vụ kỹ thuật, trong đó: 1.937 DVKT tuyến trên (đạt tỷ lệ 10,62%); 3.544 DVKT theo phân tuyến (đạt tỷ lệ 78,48%). Nhiều dịch vụ kỹ thuật cao được triển khai, như: Chụp cắt lớp vi tính; chụp UIV; chụp Xquang KTS; siêu âm tim - mạch, siêu âm 4D; xét nghiệm miễn dịch - phát hiện sớm bệnh ung thư; phẫu thuật cắt u nang buồng trứng, cắt phần phụ, chữa ngoài tử cung, triệt sản; phẫu thuật trĩ theo phương pháp Longo, phương pháp Ferguson, Milligan - Morgan...

- Nhờ làm tốt công tác chuyên môn và cải tiến chất lượng bệnh viện, bệnh nhân đến khám và điều trị tại Trung tâm Y tế ngày một tăng. Công suất sử dụng giường bệnh kế hoạch những năm qua luôn đạt >150%; số lượt khám trung bình mỗi ngày đạt 240-250 lượt. Năm 2020, Trung tâm Y tế được đánh giá đạt 3,49/5,0 điểm tối đa theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện; tỷ lệ hài lòng của bệnh nhân đến khám và điều trị tại bệnh viện theo khảo sát cuối năm 2020 của Sở Y tế đạt >97%.

** Lĩnh vực dự phòng:*

- Hàng năm, Trung tâm Y tế đã tham mưu kịp thời cho Ủy ban nhân dân huyện các quyết định và kế hoạch liên quan các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số: Kế hoạch phòng chống dịch bệnh ở người, kế hoạch triển khai bệnh không lây; các quyết định và kế hoạch thanh kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, kế hoạch chiến dịch vệ sinh môi trường, diệt loăng quăng bọ gậy phòng chống dịch sốt xuất huyết, kế hoạch triển khai công tác Dân số - KHHGĐ...; chủ động xây dựng kế hoạch, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động Trạm y tế các xã, thị trấn với mục đích không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động về mọi mặt đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Nhiều chỉ tiêu thuộc Chương trình mục tiêu y tế dân số đạt và vượt kế hoạch: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định đạt >98%; hàng năm tổ chức các chiến dịch cân

đo trẻ, cho trẻ uống vitamin A với trên 98% trẻ em trong độ tuổi được uống vitamin A; tỷ lệ trẻ em <5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 11,6% năm 2020; tỷ lệ % phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thời kỳ thai nghén đạt 100%; tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ đẻ đạt 100%.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn được thực hiện chủ động, quyết liệt, đặc biệt là các hoạt động truyền thông, giám sát, theo dõi các trường hợp trên địa bàn có yếu tố nguy cơ lây nhiễm Covid-19. Hiện tại, tình hình dịch bệnh trên địa bàn huyện ổn định, trong năm không có dịch bệnh lớn xảy ra, dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt.

Đánh giá: Huyện Hương Sơn đạt chuẩn nội dung 5.1 về Y tế trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

b2) Về Văn hóa:

- Về tổ chức, quản lý:

Phòng Văn hóa - Thông tin trực thuộc UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình, thông tin truyền thông...; thường trực Ban chỉ đạo “Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” huyện. Hiện tại Phòng có 3 biên chế trực tiếp tham mưu, theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo phát triển phong trào văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình, thông tin truyền thông... ở địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn và thẩm tra các tiêu chí văn hóa trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện.

Trung tâm Văn hóa - Truyền thông là đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện, được thành lập theo Quyết định số 4364/QĐ-UBND, ngày 14/11/2018 của UBND huyện Hương Sơn trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch với Đài Phát thanh - Truyền hình huyện. Trung tâm hiện có 17 biên chế, 02 hợp đồng, có chức năng phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch, gia đình, thông tin truyền thông; tổ chức hoạt động tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương; tổ chức và cung ứng các dịch vụ, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch; nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của Nhân dân; trực tiếp hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và kết nối tổ chức các hoạt động với các xã trên địa bàn.

- Về cơ sở vật chất:

Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện có đầy đủ cơ sở vật chất, điều kiện làm việc theo quy định. Hệ thống các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí đóng trên địa bàn trung tâm hành chính huyện với các công trình như: Trung tâm hội nghị, triển lãm huyện với quy mô trên 500 chỗ ngồi; Khu nhà hành chính, Khu tổ hợp thể thao bao gồm sân vận động, Nhà thể thao đa năng, sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn; điểm vui chơi giải trí công cộng và hệ thống công trình phụ trợ, xe ô tô và trang thiết bị, phương tiện đảm bảo hoạt động chuyên môn.

- Về tổ chức hoạt động:

Ngành văn hóa - thông tin huyện luôn đảm bảo việc tham mưu và tổ chức tốt

các nhiệm vụ chính trị của huyện như: các chương trình kỷ niệm, các hội nghị, các sự kiện lớn của huyện và tỉnh giao. Bên cạnh đó, hoạt động chuyên môn thường xuyên tại Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện diễn ra thường xuyên theo kế hoạch. Số chương trình hoạt động tại chỗ của Trung tâm đảm bảo 20 chương trình/năm; số chương trình hoạt động nghệ thuật lưu động 10 chương trình/năm; hoạt động tuyên truyền lưu động trên 100 buổi/năm; các chương trình hoạt động phối hợp trên 10 chương trình/năm; phối hợp các đoàn thể và doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức hội thi 03 cuộc/năm, liên hoan nghệ thuật quần chúng 1-2 cuộc/năm, hội chợ, triển lãm 1-2 cuộc/năm; các hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ cho các đơn vị cơ sở và tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa, thể thao, gia đình duy trì 08 cuộc/năm; số giải thể thao tổ chức 07 giải/năm. Tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí phục vụ trẻ em đạt trên 35% thời gian hoạt động của Trung tâm; tổng số lượt người đến tham gia, sinh hoạt tại Trung tâm ước đạt trên 14.000 lượt người/năm.

Các mô hình câu lạc bộ thơ, câu lạc bộ Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh người cao tuổi và các câu lạc bộ thể dục thể thao các môn khác được duy trì thường xuyên. Trên địa bàn huyện có 11 CLB Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh; 83 CLB thể thao, 27 CLB thể dục dưỡng sinh, 20 CLB bóng đá; hàng năm duy trì lớp phong trào như: lớp năng khiếu cầu lông; lớp năng khiếu bóng bàn; Karatedo; Vovinam; bóng đá thiếu niên nhi đồng.

Công tác kiểm kê, đánh giá, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa được thực hiện hàng năm, nhiều trò chơi dân gian, nghi lễ cổ truyền, các làn điệu nghệ thuật cổ được sưu tầm, phục dựng. Qua đó, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, truyền thống cách mạng, truyền thống văn hóa, nâng cao ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, của quê hương cho các tầng lớp thế hệ người dân. Toàn huyện có 49 di tích được xếp hạng, trong đó 11 di tích cấp quốc gia, 38 di tích cấp tỉnh; lễ hội Hải Thượng Lãn ông được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

Đánh giá: Huyện Hương Sơn đạt chuẩn nội dung 5.2 về Văn hóa trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

b3) Về Giáo dục:

Từ năm 2011 đến nay các trường THPT trên địa bàn huyện Hương Sơn đã quy hoạch, xây dựng mua sắm cơ sở vật chất thiết bị đáp ứng yêu cầu nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường có trình độ trên chuẩn cao. Chất lượng dạy học có nhiều chuyển biến tốt. Từng bước hoàn thiện, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí về trường đạt chuẩn quốc gia.

Trên địa bàn huyện Hương Sơn có 5 trường THPT, trong đó có 4 trường THPT công lập (Cao Thắng, Hương Sơn, Lê Hữu Trác, Lý Chính Thắng) và 01 THPT Tư thục Nguyễn Khắc Viện), trong đó có 4/5 trường đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 80%), cụ thể:

- Trường THPT Hương Sơn đạt chuẩn quốc gia năm 2020 (Theo Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh). Trường THPT Hương Sơn được đầu tư xây dựng tại địa điểm mới khang trang, đồng bộ. Tỷ lệ

học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm của trường trên 99%, tỷ lệ học sinh đậu vào các trường Đại học cao. Hàng năm, học sinh tham gia các cuộc thi Khoa học kỹ thuật, Cuộc thi Vận dụng kiến thức liên môn vào ứng dụng thực tiễn, Cuộc thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai đều có học sinh đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Trường THPT Lý Chính Thắng đạt chuẩn quốc gia năm 2015 (Theo Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh). Nhà trường thường xuyên quan tâm đầu tư nâng cấp bổ sung các hạng mục cơ sở vật chất đáp ứng việc dạy học và có tính bền vững. Nhiều năm nhà trường có học sinh giỏi quốc gia các môn: Ngữ văn, Địa lý, GDQP-AN. Có nhiều học sinh đạt giải cao tại Hội khỏe Phù đổng, Cuộc thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai,.. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn 100%, trên chuẩn cao. Đảng bộ nhà trường thường xuyên được công nhận là đơn vị Trong sạch vững mạnh, nhiều năm là Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu toàn huyện.

- Trường THPT Cao Thắng đạt chuẩn quốc gia năm 2015 (Theo Quyết định số 4198/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh). Trường có khuôn viên rộng, hệ thống cây xanh nhiều, có hệ thống công trình phục vụ dạy học đảm bảo. Hàng năm, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm cao trên 96%; có nhiều học sinh giỏi cấp tỉnh.

- Trường THPT Lê Hữu Trác đạt chuẩn quốc gia năm 2006 và được công nhận lại năm 2016 (Theo Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh). Trường có cảnh quan khuôn viên thoáng mát, có nhà đa năng; có đủ phòng học, phòng chức năng theo quy định. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm cao. Tỷ lệ đạt chuẩn 100%, tỷ lệ lên trên chuẩn cao, có 01 đạt giải Nhất tuần thứ 15 của Cuộc thi trắc nghiệm tìm hiểu 90 năm lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng Sản Việt Nam Huân. Nhà trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba (năm 2012); nhiều Bằng khen, giấy khen khác.

Đánh giá: Đến cuối năm 2020 có 4/5 trường THPT phổ thông đạt chuẩn quốc gia (80%), vậy huyện Hương Sơn đạt chuẩn nội dung 5.3 về Giáo dục trong Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

c) Đánh giá Tiêu chí: Huyện Hương Sơn đạt chuẩn Tiêu chí huyện nông thôn mới số 5 về Y tế - Văn hoá - Giáo dục.

3.6. Tiêu chí số 6 về Sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về sản xuất khi đáp ứng 1 trong 2 điều kiện sau:

(1) Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, đảm bảo:

+ Có quy mô đất đai, mặt nước lớn, liên xã theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

+ Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển bền vững;

+ Các khâu sản xuất trồng trọt được cơ giới hóa đồng bộ; các khâu sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cơ giới hóa theo quy định của từng tỉnh phù

hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

(2) Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch. Mô hình liên kết thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

+ Có hợp đồng thu mua sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân với doanh nghiệp, thời gian thực hiện hợp đồng ổn định từ 02 năm trở lên.

+ Có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở hợp đồng liên kết cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất của nông dân và cung ứng các yếu tố đầu vào, vốn, kỹ thuật để đạt được sản lượng, chất lượng nông sản theo yêu cầu của doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông nghiệp cho nông dân.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên cơ sở hoạch định sản phẩm chủ lực của tỉnh Hà Tĩnh, huyện Hương Sơn đã xác định các sản phẩm chủ lực, có lợi thế của huyện (theo Quyết định số 5660/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND huyện Hương Sơn về việc điều chỉnh sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực huyện Hương Sơn đến năm 2020), gồm 7 sản phẩm có lợi thế, trong đó có 05 sản phẩm chủ lực: Cam, Chè, Gõ nguyên liệu, Lợn, Nhung hươu.

Với tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, để phát triển kinh tế, Huyện đã chú trọng tập trung phát triển sản xuất theo hướng đẩy mạnh liên kết hóa sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng các chuỗi sản xuất liên kết bền vững, có truy xuất nguồn gốc xuất xứ, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị gia tăng gắn với xây dựng Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Đặc biệt chú trọng các sản phẩm chủ lực của huyện có tiềm năng, thế mạnh. Kết quả thực hiện tiêu chí như sau:

- Cây Cam:

Tổng diện tích cam năm 2020 đạt 2.256 ha, sản lượng đạt 15.939 tấn, tập trung phát triển quy mô lớn tại các xã, như Kim Hoa, Sơn Trường... đã ký kết các hợp đồng liên kết sản xuất thông qua các HTX, tổ hợp tác, như Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hương Sơn, HTX cam bù Trường Mai, HTX dịch vụ NN Sơn Hàm.

Một số mô hình tiêu biểu: Mô hình Ngô Xuân Linh 26 ha, Nhà vườn Duy Đức 7ha, Trần Văn Tuất 5ha, Nguyễn Trọng Phước 5,5 ha... Có sản phẩm Cam Chanh Huy Mạnh, xã Kim Hoa và Cam bù Trường Mai, xã Sơn Trường được công nhận là sản phẩm OCOP 3 sao.

Khối lượng sản phẩm tiêu thụ qua hợp đồng liên kết năm 2020 đạt 3.175 tấn, chiếm 19,91% tổng khối lượng sản phẩm; tính đến 31/5/2021, sản lượng sản lượng cam liên kết đạt 1283,69 tấn, chiếm 13,67% tổng sản lượng ước đạt 6 tháng đầu năm.

- Cây chè công nghiệp:

Diện tích sản xuất chè năm 2020 là 605 ha, sản lượng chè 7.670 tấn, ước đến 31/5/2021 đạt 4.158 tấn; các hộ dân, tổ hợp tác trồng chè liên kết từ khâu cung ứng giống, phân bón và tiêu thụ với Xí nghiệp Chè Tây Sơn, Tổng đội thanh niên xung phong, HTX bảo vệ rừng và trồng rừng, trồng chè công nghiệp Sơn Tây, tỷ lệ liên kết đạt 100%; có 325 ha chè sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và 22 ha chè tại xã Sơn Lĩnh, Sơn Kim 2 áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm; sản phẩm Chè Tây Sơn đạt tiêu chuẩn sản phẩm OCOP 3 sao.

Một số mô hình tiêu biểu như: Tổ hợp tác trồng chè Đại Châu 7,57 ha, Tổ hợp tác trồng chè Thanh Dũng 10,4 ha; THT trồng chè xã Sơn Tây 9,85ha.

- Chăn nuôi lợn:

Tổng đàn lợn trên địa bàn huyện Hương Sơn hiện có khoảng 53.150 con, trong chăn nuôi liên kết với các doanh nghiệp khoảng 22.600 con, chiếm 42,5% tổng đàn. Có 03 cơ sở chăn nuôi lợn nái, quy mô trên 300 nái liên kết với Công ty Goldenstar và Tổng công ty khoáng sản thương mại Hà Tĩnh; 25 cơ sở chăn nuôi lợn thương phẩm liên kết, quy mô 600 con -1500 con/lứa, liên kết với Công ty Cổ phần CP Việt Nam, Công ty Goldenstar và Công ty Mitraco. Tổng sản lượng thịt lợn tiêu thụ thông qua hợp đồng liên kết là 5.400 tấn, chiếm 42% tổng sản lượng thịt lợn sản xuất ra trên địa bàn.

Một số mô hình tiêu biểu như: Mô hình của ông Võ Tá Huynh 1.500 con/lứa, mô hình Hoàng Văn Thư 990 con/lứa (xã Sơn Kim 1); mô hình của ông Lưu Văn Anh 600 con/lứa, Lê Trường Sơn 990 con/lứa (xã Quang Diệm); mô hình ông Lê Văn Bính 350 lợn nái (xã Sơn Long)...

- Chăn nuôi hươu:

Luật chăn nuôi được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018; tại điều 67, quy định hươu sao được phép chăn nuôi. Năm 2019 sản phẩm nhung hươu Hương Sơn được cấp chỉ dẫn địa lý tạo hành lang pháp lý, mở ra nhiều cơ hội thúc đẩy phát triển ngành chăn nuôi hươu.. Tổng đàn hươu đạt 36.609 con, có 19/23 đơn vị xác định sản phẩm chủ lực của địa phương, có 01 sản phẩm nhung hươu đạt OCOP 4 sao, 14 sản phẩm nhung hươu đạt OCOP 3 sao; toàn huyện có 21 mô hình chăn nuôi từ 20-50 con; có 35 mô hình quy mô từ 50-100 con; có 5 mô hình trên 100 con liên kết với Công ty cổ phần Nông nghiệp Hương Sơn, DNTN Thuận Hà, HTX nhung hươu, hươu giống Sơn Lâm.

Sản lượng nhung hươu năm 2020 đạt 14,55 tấn; trong đó 2,92 tấn liên kết, đạt 20,13%; đến ngày 31/5/2021 sản lượng nhung hươu liên kết đạt 2,14 tấn, chiếm 15,34%.

Các mô hình liên kết tiêu biểu như: Tổ hợp tác chăn nuôi hươu Sơn Lâm 234 con, mô hình hộ Trần Thị Tuyết 112 con, Tổ hợp tác chăn nuôi hươu Hải Thượng 105 con, mô hình hộ Phan Văn Luật 103 con...

- Gỗ nguyên liệu:

Tổng diện tích đất lâm nghiệp toàn huyện là 84.615,32 ha, được phân bố trên địa bàn 24/25 xã, thị trấn, trong đó đất có rừng 77.468,87 ha, đất quy hoạch

đất lâm nghiệp chưa có rừng 7.146,45 ha, độ che phủ rừng năm 2020 đạt 71,06%. Diện tích rừng sản xuất gỗ nguyên liệu 12.713,8 ha, có hơn 2.000 ha rừng được cấp chứng chỉ rừng bền vững (FSC).

Năm 2020, khai thác đạt trên 80.940 m³ trong đó sản lượng liên kết đạt 10.920m³ liên kết với Công ty Bảo Lâm, chiếm 13,49% tổng sản lượng; tính đến 31/5/2021 sản lượng liên kết đạt 4.720 m³ chiếm 15,63% tổng sản lượng khai thác.

Các mô hình liên kết tiêu biểu như: Tổ hợp tác trồng rừng Sơn Kim 2 (120 ha), Tổ hợp tác trồng rừng Sơn Hồng (75 ha), Tổ hợp tác trồng rừng Sơn Hàm (15 ha), Tổ hợp tác trồng rừng Sơn Lĩnh (25,4 ha).

c) Đánh giá Tiêu chí: Huyện Hương Sơn đạt chuẩn Tiêu chí huyện nông thôn mới số 6 về Sản xuất.

3.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường

a). Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.
- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (*công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm*) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

b). Kết quả thực hiện tiêu chí:

b1). Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt chuẩn.

b1.1) Có đề án hoặc kế hoạch hoặc phương án quản lý (giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý) chất thải rắn trên địa bàn huyện được phê duyệt và triển khai thực hiện, bao gồm các hạng mục công trình, biện pháp, nhân lực, trang thiết bị, phương tiện đảm bảo yêu cầu:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Hội đồng nhân dân huyện đã ban hành Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND thông qua Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng những năm tiếp theo; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 16/3/2017 của UBND huyện Hương Sơn về Triển khai thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải huyện Hương Sơn giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020. Hội đồng nhân dân huyện ban hành Nghị quyết số 103/2019/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 thông qua Đề án phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn giai đoạn 2020 đến 2022 và UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 28/02/2020 về việc triển khai thực hiện Đề án Phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện Hương Sơn giai đoạn 2020-2022; UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 12/01/2021 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

Hiện nay trên địa bàn huyện có 25 Hợp tác xã môi trường hoạt động trên địa bàn 25 xã, thị trấn với tổng số 200 lao động, 175 xe đẩy tay, 04 xe chuyên dụng, 21 xe ô tô tải phục vụ thu gom vận chuyển rác thải. Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện bình quân đạt 55,67 tấn/ngày (20.320 tấn/năm). Trong đó khối lượng rác thải phát sinh chưa được thu gom, xử lý tập trung là 4,8 tấn/ngày (8,6%); khối lượng rác thải sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định là 50,87 tấn/ngày (đạt 91,4%), với khối lượng cụ thể như sau:

+ Rác thải hữu cơ được các hộ dân phân loại, tự xử lý tại nguồn là: 21,83 tấn/ngày (chiếm tỷ lệ 39,2%).

+ Rác thải được các hộ tái sử dụng, tái chế: 3,34 tấn/ngày (chiếm tỷ lệ 6%).

+ Rác thải được HTX Môi trường thu gom và xử lý tập trung tại 02 khu xử lý (lò đốt Phố Châu và bãi chôn lấp Tây Sơn): 25,7 tấn/ngày (chiếm tỷ lệ 46,2%).

(Rác thải sinh hoạt sau khi được phân loại, các HTX dịch vụ môi trường vận chuyển về điểm tập kết tạm thời và định kỳ vận chuyển về 02 khu xử lý tập trung của huyện là lò đốt thị trấn Phố Châu và Bãi chôn lấp thị trấn Tây Sơn).

- Đối với chất thải rắn công nghiệp: Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, từ các khu công nghiệp được các chủ cơ sở thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển để xử lý theo đúng quy định.

- Đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật: UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 12/1/2021 triển khai công tác thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói, chai lọ thuốc BVTV sau sử dụng. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các địa phương triển khai thực hiện. Kết quả đến nay, trên địa bàn huyện đã xây dựng 1.016 mô hình vỏ bao bì thuốc BVTV sau sử dụng đặt tại các cánh đồng, khối lượng bao bì thuốc BVTV phát sinh khoảng 0,5 tấn - 1,0 tấn/năm, định kỳ UBND huyện sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo khối lượng phát sinh thực tế tần suất vận chuyển đưa đi xử lý 02 lần/năm.

Ủy ban nhân dân huyện đã giao UBND các xã lập phương án giao cho HTX dịch vụ môi trường, hoặc thôn trưởng các thôn, xóm quản lý, duy trì sử dụng các điểm thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn các xã, thị trấn đạt hiệu quả.

- Đối với chất thải rắn Y tế: Trên địa bàn huyện có 02 Bệnh viện (Đa khoa huyện Hương Sơn và đa khoa Cầu tre) và 25 trạm Y tế tại các xã, thị trấn và 12 phòng khám, cơ sở y tế tư nhân hàng năm phát sinh khoảng 22,5 tấn CTRYT (trong đó: 2 bệnh viện đa khoa 16,0 tấn/năm, 25 trạm y tế 5,0 tấn/năm, các phòng khám 1,5 tấn/năm). Tất cả các chất thải rắn y tế phát sinh trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý tại trung tâm y tế huyện Hương Sơn bằng hệ thống xử lý chất thải y tế được đầu tư bằng công nghệ hấp, sấy được tỉnh đầu tư (công suất 50 kg/h) và lò đốt rác thải y tế Bệnh viện đa khoa cửa khẩu Cầu tre.

- Đối với chất thải nguy hại: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 17 cơ sở sản xuất kinh doanh phát sinh chất thải nguy hại; các cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh chất thải nguy hại đều lập sổ đăng ký hoặc báo cáo quản lý chất thải nguy hại, đồng thời có hợp đồng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải nông nghiệp: Phụ phẩm phát sinh trong sản xuất nông nghiệp được người dân thu gom, tái sử dụng hoặc xử lý bằng phương pháp ủ phân vi sinh; hạn chế tối đa tình trạng đốt gây ô nhiễm môi trường.

b1.2) Khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện

+ Lò đốt tại thị trấn Phố Châu được xây dựng năm 2018, với quy mô công suất lò đốt 700kg/h (10-12 tấn/ngày), hiện nay đang xử lý rác thải trên địa bàn thị

trần Phố Châu và 09 các xã lân cận với công suất hoạt động 10,85 tấn/ngày, đêm; giao cho HTX Môi trường H&Q quản lý và vận hành; đáp ứng các tiêu chí theo Quy chuẩn hiện hành, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 61-MT:2016/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

+ Bãi chôn lấp hợp vệ sinh tại thị trấn Tây Sơn được đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2007, với diện tích 2,1 ha; hình thức chôn lấp hợp vệ sinh do HTX Môi trường Tây Sơn quản lý và vận hành, hiện nay đang xử lý rác thải sinh hoạt cho 15 xã, thị trấn, công suất xử lý 14,85 tấn/ngày. Hàng năm, UBND huyện hỗ trợ kinh phí xử lý theo đúng quy trình.

+ UBND huyện đang lập hồ sơ, thủ tục đầu tư 01 lò đốt rác thải sinh hoạt tại xã Sơn Tây với công suất 2 tấn/gờ (20 tấn/ngày) nhằm xử lý 100% lượng rác thải phát sinh trên địa bàn huyện, đồng thời, giảm tải cho các khu xử lý rác thải hiện nay trên địa bàn huyện.

b2). Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường

- Trên địa bàn các xã hiện có 2.558 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, Trong đó:

+ Có 32 cơ sở sản xuất kinh doanh có hồ sơ thủ tục môi trường được cấp tỉnh phê duyệt (17 cơ sở lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường được UBND tỉnh phê duyệt, 12 cơ sở lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường được Ban quản lý KKT tỉnh phê duyệt, 03 cơ sở lập kế hoạch bảo vệ môi trường được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận) và 132 cơ sở có Bản cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường do UBND huyện xác nhận.

+ Có 2.394 cơ sở nhỏ lẻ thuộc đối tượng không phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; các cơ sở này đã ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND các xã, thị trấn và được các địa phương quản lý, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đã thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt, xác nhận và quản lý, xử lý chất thải và các nghĩa vụ khác về bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nhìn chung các cơ sở sản xuất kinh doanh có hồ sơ thủ tục về môi trường (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ tương đương); sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, Giấy phép khai thác nước ngầm, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định (đối với các cơ sở thuộc đối tượng phải lập các hồ sơ trên) và thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ theo quy định.

- Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản: Trên địa bàn huyện có 04 cơ sở nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng lập Kế hoạch bảo vệ môi trường; còn lại là các cơ sở nuôi trồng thủy sản nhỏ, lẻ, quy mô hộ gia đình không thuộc đối tượng lập cam kết bảo vệ môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường, tuy nhiên, các cơ sở này đều

chấp hành công tác BVMT theo đúng quy định.

- Toàn huyện có 38 cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô lớn (01 cơ sở chăn nuôi bò sữa Vinamilk, 37 cơ sở chăn nuôi lợn), trong đó có 17 cơ sở chăn nuôi có quy mô >1000 con/lứa; 20 cơ sở chăn nuôi có quy mô < 1.000 con/lứa. Các cơ sở chăn nuôi tập trung đều nằm trong quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 14/4/2015, đảm bảo khoảng cách và vệ sinh môi trường đối với khu dân cư theo quy định; các cơ sở cơ bản chấp hành đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, kết quả quan trắc giám sát môi trường hàng năm đều nằm trong giới hạn cho phép. Các cơ sở chăn nuôi khu vực đầu nguồn thuộc 02 xã Sơn Kim 1 và Sơn Kim 2 đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ tự động kết hợp giữa vi sinh vật và Ozon; nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT về nước thải chăn nuôi.

- Làng nghề, cụm công nghiệp: Trên địa bàn huyện không có làng nghề; có 01 cụm công nghiệp Khe Cò được UBND tỉnh thành lập năm 2016, theo Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 (quy mô 18 ha) do UBND huyện làm chủ đầu tư. Hiện nay đã có 01 dự án đi vào hoạt động (năm 2017): Nhà máy sản xuất gạch không nung và bê tông đúc sẵn của Công ty TNHH Thành Nhân, với diện tích khoảng 12.000 m², công suất thiết kế 50 triệu viên/năm và 01 dự án đang trong quá trình thi công xây dựng là Nhà máy chế biến gỗ rừng trồng VBE Hà Tĩnh của Công ty TNHH MTV VBE Hà Tĩnh, diện tích 28.000 m², (với tổng mức đầu tư 50 tỷ đồng) dự kiến hoạt động năm 2022; có 02 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, hiện đang hoàn thiện các thủ tục hồ sơ liên quan chưa hoạt động: Nhà máy may công nghiệp Hương Sơn với diện tích 30.000 m² (với tổng mức đầu tư 99 tỷ đồng) và nhà máy chế biến các sản phẩm từ hươu, sản xuất rượu, thực phẩm chức năng của Công ty CP Sơn An Hà Tĩnh, diện tích 11.000 m² (với tổng mức đầu tư 30,8 tỷ đồng). Qua kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh từng bước thực hiện hồ sơ và thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường theo quy định, đó là:

+ Đối với chất thải sinh hoạt được hợp đồng với HTX, tổ, đội vệ sinh môi trường địa phương để thu gom chất thải rắn, chất thải sinh hoạt về khu xử lý rác thải sinh hoạt bằng lò đốt tại thị trấn Phố Châu, xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, che chắn bụi, trang bị bảo hộ cho công nhân...

+ Đối với chất thải công nghiệp thông thường được thu gom tập kết tại kho chứa và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải nguy hại đã được đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh để đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và xây dựng kho chứa CTNH lưu giữ, và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

c) Đánh giá Tiêu chí: Huyện Hương Sơn đạt chuẩn Tiêu chí huyện nông thôn mới số 7 về Môi trường.

3.8. Tiêu chí số 8 về Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội

a) *Yêu cầu của tiêu chí:* Hàng năm Huyện ủy có Nghị quyết, UBND huyện

có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm Công an huyện chủ động tham mưu Huyện ủy ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân huyện có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Công an huyện xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Công an, Công an tỉnh và nghị quyết của Huyện ủy, kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện về công tác đảm bảo an ninh, trật tự và công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Trên cơ sở nội dung hướng dẫn của Công an tỉnh, nghị quyết của Huyện ủy, kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện, Công an huyện đã làm tốt công tác dự báo tình hình, quán xuyên địa bàn, nắm chắc tình hình di, biến động của đối tượng; làm tốt chức năng tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương, các ban, ngành liên quan, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các đội nghiệp vụ, Công an xã, thị trấn triển khai thực hiện một cách đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, tăng cường quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, công tác dân vận chính quyền nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong đấu tranh, phòng, chống tội phạm. Tập trung triển khai, quán triệt nhiều chương trình, kế hoạch, biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự đạt được các mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ đề ra; công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được triển khai quyết liệt, nâng cao được hiệu quả các đợt tấn công trấn áp tội phạm, giữ gìn ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đến nay trên địa bàn không có tụ điểm, không có địa bàn trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự xã hội; không để xảy ra việc khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, đẩy lùi, năm sau giảm hơn năm trước, không để xảy ra các vụ án nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, cụ thể:

- Năm 2020 xảy ra 32 vụ việc, với 75 đối tượng phạm pháp hình sự, tệ nạn xã hội, các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Những tháng đầu năm 2021 xảy ra 09 vụ việc, với 13 đối tượng phạm pháp hình sự, tệ nạn xã hội, các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Kết quả hoạt động của lực lượng Công an tốt; công tác lập, lưu hồ sơ đúng theo quy định của Công an cấp trên.

c) Đánh giá Tiêu chí: Huyện Hương Sơn đạt chuẩn Tiêu chí huyện NTM số 8 về Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

3.9. Tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng NTM:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định;

- Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

** Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững và Mỗi xã một sản phẩm huyện:*

- Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện được Ủy ban nhân dân huyện thành lập tại Quyết định số 4128/QĐ-UBND ngày 06/12/2010, gồm 25 thành viên, do đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Phó Trưởng ban Thường trực, đồng chí Chủ tịch UBMTTQ huyện và đồng chí Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban, các thành viên là trưởng, phó các phòng ban, đơn vị. Hàng năm được bổ sung, kiện toàn phù hợp với điều kiện thực tế nhiệm vụ và sự thay đổi nhân sự các cấp. Đến nay, là Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững, mỗi xã một sản phẩm được kiện toàn tại Quyết định số 89-QĐ/HU ngày 25/12/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy. Ban Chỉ đạo huyện được kiện toàn do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban; các đồng chí Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBMTTQ huyện, Chủ tịch UBND huyện và Phó Chủ tịch UBND huyện là các Phó trưởng ban; thành viên gồm các đồng chí Thường vụ Huyện ủy và Trưởng các phòng, đơn vị, đoàn thể có liên quan.

- Ban Chỉ đạo huyện Hương Sơn thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, hướng dẫn các xã thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại các xã; chỉ đạo thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong việc huy động đóng góp tiền của, công sức của nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới, tránh tình trạng huy động quá sức dân.

** Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện:*

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện Hương Sơn được Ủy ban nhân dân huyện thành lập tại Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 13/5/2011, hàng năm được kiện toàn phù hợp với điều kiện thực tế, hiện nay được kiện toàn theo Quyết định số 5989/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện. Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh Văn phòng; 01 đồng chí Phó Chánh văn do Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm nhiệm; thành viên gồm 05 cán bộ chuyên trách được điều động từ các phòng ban, đơn vị cấp huyện.

- Văn phòng điều phối đã thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

+ Tham mưu Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện ban hành Kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn huyện.

+ Phối hợp tốt với các phòng ban trong công tác rà soát, đánh giá thực trạng tại các xã, tổ chức hướng dẫn, tư vấn các xã trong quá trình tổ chức thực hiện; thực hiện tốt công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện, đánh giá kết quả thực hiện, xác định mức độ đạt chuẩn nông thôn mới; tham mưu Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện trình UBND tỉnh công nhận các danh hiệu về nông thôn mới.

+ Tham mưu Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện ban hành các cơ chế chính sách sát đúng với điều kiện thực tế của huyện; thực hiện tốt chức năng điều phối các hoạt động thực hiện Chương trình đối với các phòng, ban, tổ chức đoàn thể cấp huyện và các xã.

+ Hàng năm đều thực hiện tốt công tác đào tạo tập huấn về Chương trình nông thôn mới, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm; lập dự trù kinh phí phục vụ hoạt động hàng năm của Ban Chỉ đạo huyện và Văn phòng điều phối Chương trình, trình Ban Chỉ đạo phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định.

Đánh giá: Huyện Hương Sơn đạt chuẩn Tiêu chí số 9 (Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới) trong Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới.

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM

- Nợ đọng XD CB thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến hết ngày 31/12/2014 trên địa bàn huyện Hương Sơn là 0 (không) đồng.

- Nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh sau ngày 31/12/2014 đến 11/10/2021 là 0 (không) đồng.

- Thực hiện Đề án huyện nông thôn mới, hiện nay UBND huyện Hương Sơn đã và đang triển khai thực hiện 142 công trình (trong đó, cấp tỉnh làm chủ đầu tư 01 công trình, cấp huyện làm chủ đầu tư 15 công trình, cấp xã làm chủ đầu tư 126 công trình) với tổng mức đầu tư là 455.724 triệu đồng; giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu là 288.039 triệu đồng; khối lượng hoàn thành chưa nghiệm thu 12.500 triệu đồng, khối lượng chưa hoàn thành dự kiến là 155.185 triệu đồng;

Số vốn đã bố trí là 378.083 triệu đồng; nguồn vốn đã được phê duyệt kế hoạch huy động 77.641 triệu đồng, trong đó, nợ khối lượng hoàn thành 34.181 triệu đồng (gồm ngân sách huyện 18.012 triệu đồng, ngân sách xã 16.170 triệu đồng).

Đối với số vốn còn thiếu: 77.641 triệu đồng (bao gồm nợ khối lượng hoàn thành 34.181 triệu đồng), UBND huyện Hương Sơn dự kiến kế hoạch bố trí như sau:

+ Phần ngân sách huyện 55.471 triệu đồng (trong đó nợ khối lượng hoàn thành 18.012 triệu đồng): Thực hiện Nghị quyết số 173/2019/NQ-HĐND ngày 15/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng huyện nông thôn mới, UBND huyện Hương Sơn dự kiến thu từ 02 dự án có sử dụng đất trên địa bàn huyện để thanh toán¹.

+ Phần ngân sách xã (16.170 triệu đồng): dự kiến sử dụng nguồn thu từ bán đấu giá quyền sử dụng đất tại các vùng quy hoạch dân cư của các xã để thanh toán. Đến nay, UBND huyện Hương Sơn đã phê duyệt phương án bán đấu giá quyền sử dụng đất, giá khởi điểm, bước giá đối với các lô đất tại khu quy hoạch dân cư tại các xã trên địa bàn huyện (các Quyết định số: 642-644/QĐ-UBND ngày 04/02/2021; Quyết định số: 5653, 5656, 5659, 5662/QĐ-UBND ngày 14/10/2021; Quyết định từ số: 1475-1485/QĐ-UBND ngày 20/4/2021; Quyết định số: 3945, 3948, 3951. 3954, 3957/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 và Quyết định số: 4765, 4768, 4771/QĐ-UBND ngày 25/8/2021).

+ Phần huy động khác (6.000 triệu đồng): Huy động từ nguồn vốn xã hội hóa của HTX môi trường xây dựng, dịch vụ tổng hợp sơn Tây.

Như vậy, UBND huyện Hương Sơn đã đảm bảo cân đối được nguồn vốn thanh toán khối lượng hoàn thành và thực hiện các nhiệm vụ khác để hoàn thành các tiêu chí trong xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM của huyện Hương Sơn đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn NTM; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020.

2. Về kết quả thực hiện các Tiêu chí huyện NTM

Huyện Hương Sơn có:

- 100% số xã đạt chuẩn NTM theo quy định.
- 100% số Tiêu chí huyện NTM đạt chuẩn theo quy định.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM

Huyện Hương Sơn không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

¹ Dự án Khu đô thị Nam Phố Châu, dự kiến nguồn tiền đất huyện hưởng khoảng 42 tỷ đồng, dự án Khu đô thị Bắc Phố Châu 1, dự kiến nguồn tiền đất huyện hưởng khoảng 115 tỷ đồng. Hai dự án nói trên đã ký hợp đồng, đang trong quá trình thực hiện. Ngoài ra, dự án Khu đô thị Bắc Phố Châu 2 đang trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

4. Về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng huyện nông thôn mới:

Việc lấy ý kiến đánh giá về sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện Hương Sơn được thực hiện tại 241/241 KDC thuộc 25/25 xã, thị trấn của huyện, đạt tỷ lệ 100%. Tổng số hộ dân đã tham gia lấy ý kiến hài lòng người dân: 26.377/35.140 hộ, đạt tỷ lệ 75,06%. Kết quả lấy ý kiến của người dân đối với nội dung câu 1 đến câu 11 có tỷ lệ hài lòng đạt từ 94,08% đến 96,84%; nội dung câu 12 đạt tỷ lệ người dân hài lòng 96,35%; kết quả lấy ý kiến hài lòng của người dân về xây dựng huyện Hương Sơn đạt chuẩn nông thôn mới đảm bảo yêu cầu quy định.

III. KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào kết quả thực hiện, đối chiếu với các quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện Hương Sơn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên BCD tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- UBND huyện Hương Sơn;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn UBND tỉnh (theo dõi NL);
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₅

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Sơn

BIỂU TỔNG HỢP**KẾT QUẢ THẨM TRA TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI
HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH***(Kèm Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả huyện tự đánh giá	Kết quả thẩm tra của tỉnh
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã	Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	100%	100%
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ; thuật của cả hệ thống	Đạt	Đạt	Đạt
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Đạt	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥ 60%	100%	100%
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Đạt	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%

8	An ninh, trật tự XH	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Văn phòng điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt	Đạt